SAMSUNG

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

S19C450BW
S19C450MW
S19C450BR
S19C450MR
S20C450B
S22C450B
S22C450M
S22C450BW
S22C450MW
S23C450B
S23C450M
S24C450BL
S24C450B
S24C450M
S24C450BW
S24C450MW
S27C450B

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

BN46-00294A-10

Mục lục

Mục lục

Mục lục

Mục lục

Mục lục

CHỈ MỤC

Trước khi sử dụng sản phẩm

Bản quyền

Nội dung của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

Microsoft, Windows và Windows NT là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

VESA, DPM và DDC là các nhãn hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association.

Các biểu tượng được sử dụng trong sách hướng dẫn này

	Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

Ký hiệu cho các lưu ý an toàn

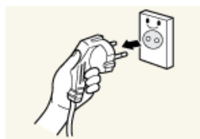
Cảnh báo	Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.
Thận trọng	Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Các hoạt động được đánh dấu bằng biểu tượng này là bị cấm.
	Phải tuân thủ các hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này.

Làm sạch

Làm sạch

Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.

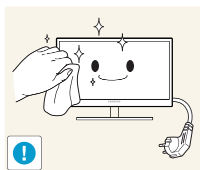
Tiến hành các bước sau khi làm sạch.



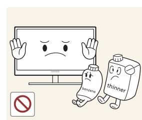
1. Tắt nguồn màn hình và máy tính.
2. Rút dây nguồn khỏi màn hình.



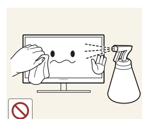
Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



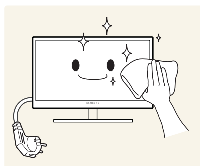
3. Sử dụng miếng vải khô, mềm và sạch để lau chùi màn hình.



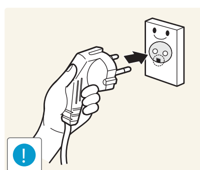
- Không bôi chất làm sạch chứa cồn, dung môi hoặc chất có hoạt tính bề mặt vào màn hình.



- Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.



4. Làm ướt miếng vải mềm và khô với nước rồi vắt kỹ để lau bên ngoài màn hình.



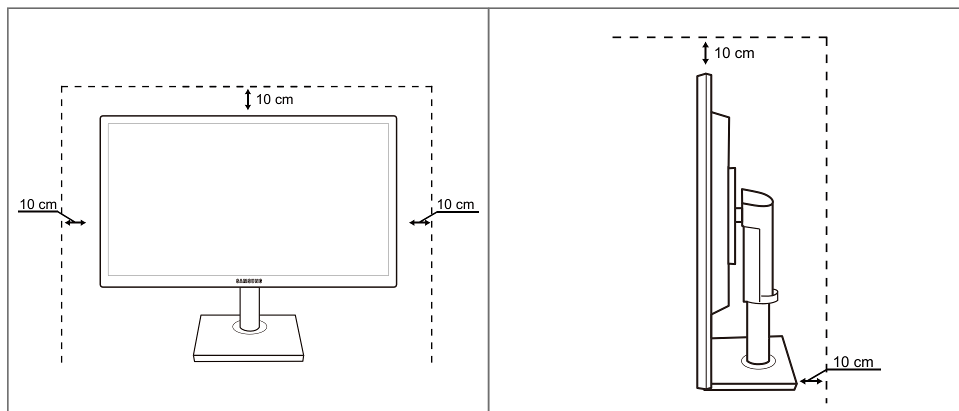
5. Cắm dây nguồn vào sản phẩm sau khi làm sạch sản phẩm.
6. Bật nguồn màn hình và máy tính.

Trước khi sử dụng sản phẩm

Bảo đảm không gian lắp đặt

- Đảm bảo là có khoảng cách xung quanh sản phẩm để tạo sự thông thoáng. Sự tăng nhiệt độ theo khoảng cách thời gian có thể gây ra hỏa hoạn và làm hỏng sản phẩm. Hãy chắc chắn là bạn để ra một khoảng không gian như hình vẽ dưới đây hoặc lớn hơn khi lắp đặt sản phẩm.

 Bề ngoài có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.



Lưu ý khi cất giữ

 Đảm bảo liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111) nếu cần làm sạch bên trong màn hình. (phí dịch vụ sẽ được áp dụng)

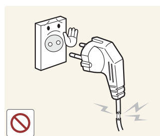
Các lưu ý về an toàn

Điện và an toàn



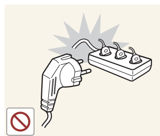
Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

 **Cảnh báo**



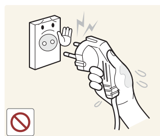
Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



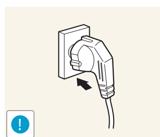
Không cắm nhiều sản phẩm vào cùng ổ cắm điện.

- Nếu không, ổ cắm có thể bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn.



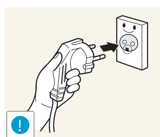
Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt.

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



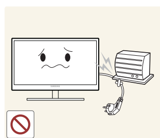
Cắp phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không ổn định có thể gây ra hỏa hoạn.



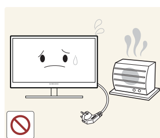
Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.



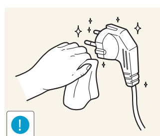
Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

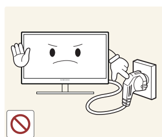


Loại bỏ các vật chất lạ chẳng hạn như bụi bẩn quanh chân phích cắm và ổ cắm nguồn bằng vải khô.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

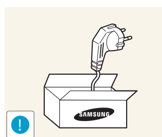
Trước khi sử dụng sản phẩm

Thận trọng



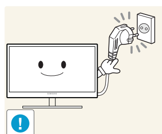
Không rút dây nguồn khi sản phẩm đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.



Không sử dụng dây nguồn cho sản phẩm không phải sản phẩm được ủy quyền do Samsung cung cấp.

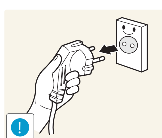
- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào trong sản phẩm, hãy rút cáp nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm.

  Không thể ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm với nút nguồn.

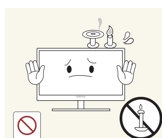


Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Cài đặt

Cảnh báo



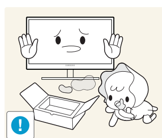
KHÔNG ĐẶT NẾN, NHANG ĐUỔI CÔN TRÙNG HOẶC THUỐC LÁ TRÊN ĐỈNH SẢN PHẨM. KHÔNG LẮP ĐẶT SẢN PHẨM GẦN CÁC NGUỒN NHIỆT.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.



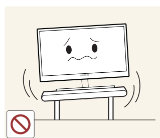
Tránh lắp đặt sản phẩm trong khu vực chật hẹp có thông gió kém, chẳng hạn như giá sách hoặc hốc tường.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.



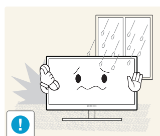
Giữ túi nhựa đóng gói sản phẩm ở nơi trẻ em không thể với tới được.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.



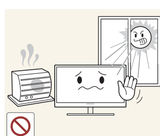
Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.).

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.



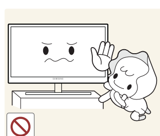
Không lắp đặt sản phẩm trên xe hoặc ở nơi tiếp xúc với bụi, hơi ẩm (nước chảy nhỏ giọt, v.v.), dầu hoặc khói.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



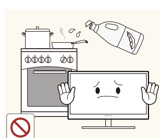
Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nhiệt hoặc đồ vật nóng như bếp.

- Nếu không, tuổi thọ của sản phẩm có thể bị giảm hoặc có thể xảy ra hỏa hoạn.



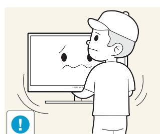
Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.



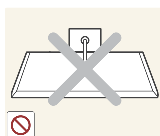
Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Thận trọng



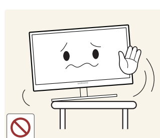
Cẩn thận để không làm rơi sản phẩm khi di chuyển.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



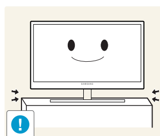
Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.



Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.



Đặt sản phẩm xuống cẩn thận.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.



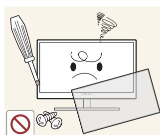
Lắp đặt sản phẩm ở những nơi khác thường (nơi tiếp xúc với nhiều hạt mịn, hóa chất hoặc nhiệt độ quá nóng/lạnh hoặc tại sân bay hay ga tàu mà sản phẩm phải hoạt động liên tục trong thời gian dài) có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất của sản phẩm.

- Đảm bảo hỏi ý kiến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111) trước khi lắp đặt nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm ở nơi như vậy.

Hoạt động

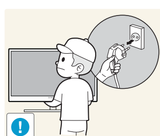


Cảnh báo



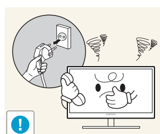
Điện áp cao chạy qua sản phẩm. Không cố tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111) để sửa chữa.



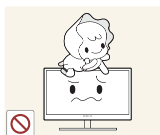
Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Nếu sản phẩm phát ra tiếng động lạ, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



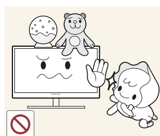
Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm có thể đổ và trẻ có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.



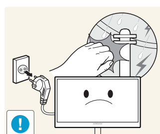
Nếu sản phẩm bị đổ hoặc phần bên ngoài bị hỏng, hãy tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111).

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



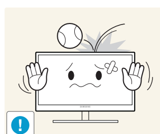
Không đặt vật nặng, đồ chơi hoặc kẹo lên trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.



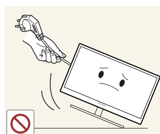
Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



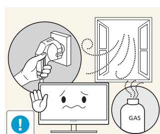
Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



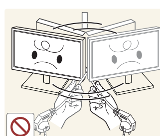
Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



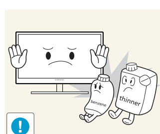
Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.



Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



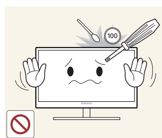
Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.



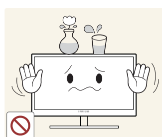
Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.



Không chèn đồ vật kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc đồ vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào lỗ thông gió hoặc các cổng trên sản phẩm.

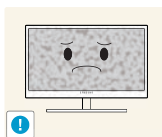
- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

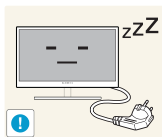
- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang111).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Thận trọng



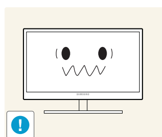
Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, hãy kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động.



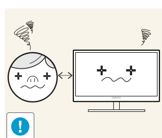
Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do bụi bẩn tích tụ, quá nhiệt, điện giật hoặc rò điện.

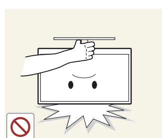


Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Nếu không, thị lực của bạn có thể suy giảm.

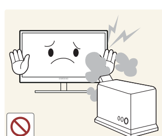


Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.



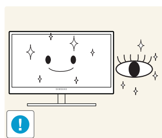
Không giữ màn hình lật ngược lại hoặc di chuyển bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.



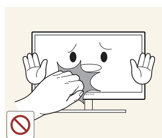
Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

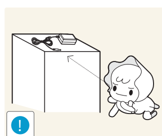


Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

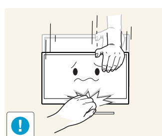
- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.



Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

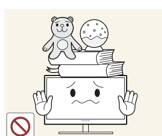


Cất giữ các phụ kiện nhỏ được sử dụng với sản phẩm ngoài tầm với của trẻ em.



Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Nếu không, ngón tay hoặc bàn tay của trẻ có thể kẹt vào phụ kiện và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm quá mức có thể khiến sản phẩm bị đổ và gây ra thương tích cá nhân.



Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm



Sử dụng sản phẩm với tư thế đúng như sau.

- Giữ thẳng lưng.
- Để khoảng cách từ 45 đến 50cm từ mắt bạn tới màn hình, và hơi nhìn xuống màn hình.

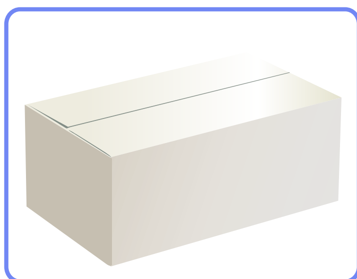
  Giữ mắt ở ngay phía trước màn hình.
- Điều chỉnh góc sao cho ánh sáng không phản chiếu vào màn hình.
- Giữ cho cẳng tay vuông góc với cẳng tay trên và ngang bằng với mu bàn tay của bạn.
- Giữ khuỷu tay bạn ở góc vuông.
- Điều chỉnh độ cao của sản phẩm để bạn có thể giữ đầu gối ở góc 90 độ hoặc lớn hơn, gót chân đặt trên sàn và tay bạn ở phía dưới tim.

1 Chuẩn bị

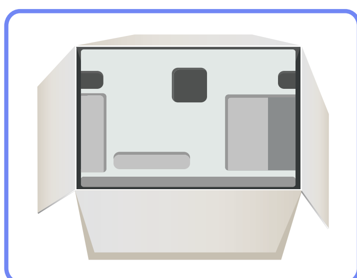
1.1 Kiểm tra các thành phần

1.1.1 Tháo gói bọc sản phẩm

1 Mở hộp bao bì. Cẩn thận để không làm hỏng sản phẩm khi bạn mở bao bì với dụng cụ sắc.

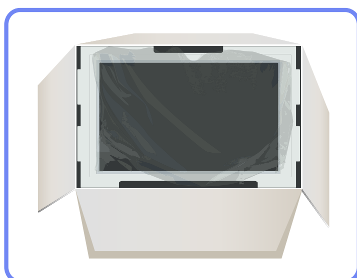


2 Tháo các tấm xốp cứng ra khỏi sản phẩm.



3 Kiểm tra các thành phần và tháo bao xốp Styrofoam và túi nilon ra.

 Hình ảnh chỉ có tính chất tham khảo.



4 Cất hộp ở nơi khô ráo để sau này sử dụng khi di chuyển sản phẩm.

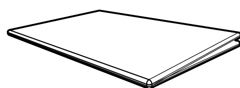
1 Chuẩn bị

1.1.2 Kiểm tra các thành phần

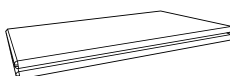


- Liên hệ với đại lý bạn đã mua sản phẩm nếu thiếu bất kỳ mục nào.
- Bề ngoài của các thành phần và chi tiết bán riêng có thể khác so với hình ảnh trình bày.

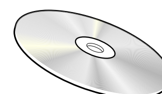
Các thành phần



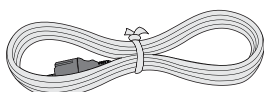
Hướng dẫn cài đặt nhanh



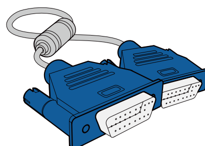
Thẻ bảo hành
(Không có ở một số khu vực)



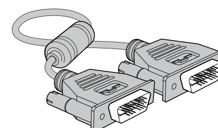
Tài liệu hướng dẫn sử dụng



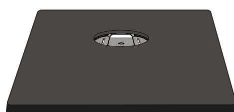
Cáp nguồn



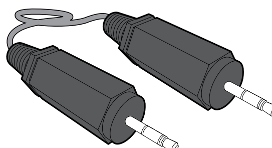
Cáp D-SUB (tùy chọn)



Cáp DVI (tùy chọn)



Chân đế



Cáp stereo (tùy chọn)



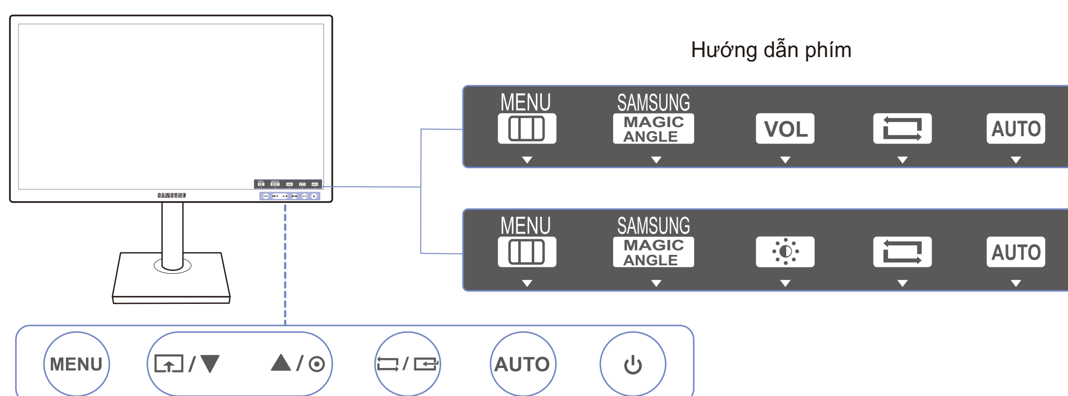
Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.

1.2 Các bộ phận

1.2.1 Các nút phía trước



Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



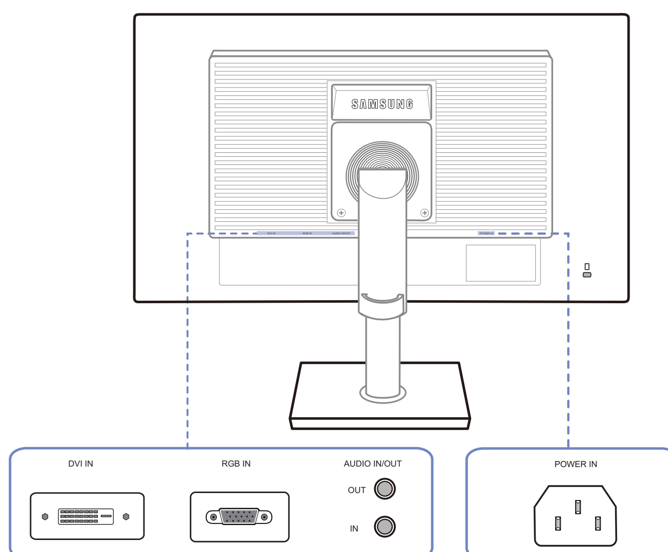
Biểu tượng	Mô tả
MENU	• Mở hoặc đóng menu hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc trở lại menu trước. • Khóa điều khiển OSD: Duy trì cài đặt hiện tại hoặc khóa kiểm soát OSD để ngăn thay đổi cài đặt không chủ định. Bật: Để khóa điều khiển OSD, hãy bấm nút [MENU] trong vòng 10 giây. Tắt: Để mở khóa điều khiển OSD, hãy bấm nút [MENU] trong vòng hơn 10 giây. Nếu điều khiển OSD bị khóa, • Bạn có thể điều chỉnh **Brightness** và **Contrast**, và xem **INFORMATION**. • Có thể sử dụng chức năng **Customized Key** bằng cách nhấn nút [ ]. (**Customized Key** sẵn có ngay cả khi điều khiển OSD bị khóa)
	Cấu hình **Customized Key** và nhấn [ ]. Những tùy chọn sau sẽ được kích hoạt. **SAMSUNG MAGIC Angle** - **SAMSUNG MAGIC Bright** - **Eco Saving** - **Image Size** Cấu hình **Customized Key**, đi đến **SETUP&RESET** → **Customized Key** và chọn chế độ bạn muốn.
▲/▼	Di chuyển đến menu phía trên hoặc phía dưới hoặc điều chỉnh giá trị cho một tùy chọn trên menu OSD.

Biểu tượng	Mô tả
⊙	Sử dụng nút này để kiểm soát độ sáng và độ tương phản của màn hình. **Volume** có thể được điều chỉnh nếu bạn kết nối cáp với cổng [IN].
▭/⇥	Xác nhận lựa chọn một trình đơn. Nhấn nút [▭/⇥] khi trình đơn OSD không được hiển thị sẽ thay đổi nguồn tín hiệu đầu vào (**Analog**/**DVI**). Nếu bạn bật nguồn trên sản phẩm hoặc thay đổi nguồn vào bằng cách nhấn nút [▭/⇥], một thông báo sẽ xuất hiện cho biết nguồn vào đã thay đổi sẽ xuất hiện ở góc trên cùng bên trái của màn hình.
AUTO	Nhấn nút [AUTO] để điều chỉnh các cài đặt màn hình một cách tự động. • Thay đổi độ phân giải trong Các thuộc tính màn hình sẽ kích hoạt tính năng **Auto Adjustment**. • Chức năng này chỉ có ở chế độ **Analog**.
⏻	Bật hoặc tắt màn hình.
Hướng dẫn phím	Khi nhấn nút điều khiển trên sản phẩm, hướng dẫn Phím sẽ hiển thị trước khi menu trên màn hình mở ra. (Hướng dẫn hiển thị tính năng của nút được bấm.) Để truy cập menu trên màn hình khi hướng dẫn hiển thị, nhấn nút tương ứng lần nữa. Hướng dẫn phím có thể khác nhau tùy theo chức năng hoặc mẫu sản phẩm. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

1.2.2 Mặt sau



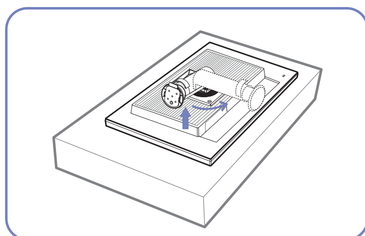
Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



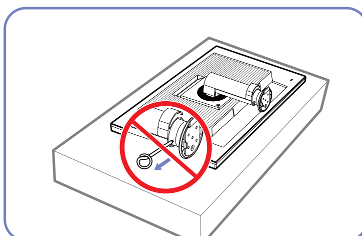
Cổng	Cổng
	Kết nối dây nguồn màn hình của bạn vào cổng POWER IN phía sau của thiết bị.
	Kết nối với máy tính dùng cáp DVI.
	Kết nối với máy tính bằng cáp D-SUB.
IN	Kết nối với nguồn vào âm thanh bằng cáp âm thanh. Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa.
OUT	Kết nối với thiết bị đầu ra âm thanh như tai nghe. Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa.

1.3 Cài đặt

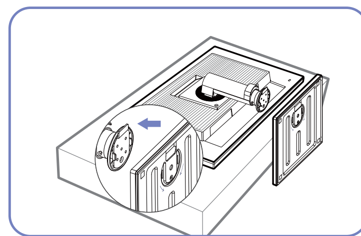
1.3.1 Ráp chân đế



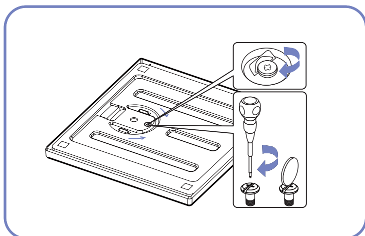
Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.



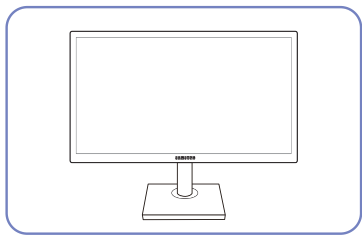
Không tháo dời chốt cố định cho tới khi bạn đã hoàn thành gắn chân đế.



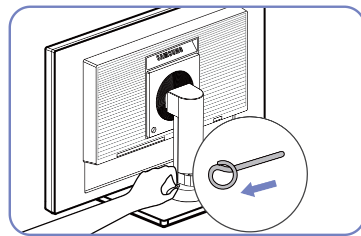
Đặt phần chân đế vào trong phần thân đế theo hướng mũi tên.



Vặn chặt đinh vít (dùng tua vít hoặc đồng xu) vào đáy của chân đế.



Sau khi lắp đặt chân đế, hãy đặt sản phẩm thẳng đứng.



Bây giờ bạn có thể tháo chốt cố định để điều chỉnh chân đế.



- Lưu ý

Không lộn ngược sản phẩm bằng cách chỉ nắm chân đế.

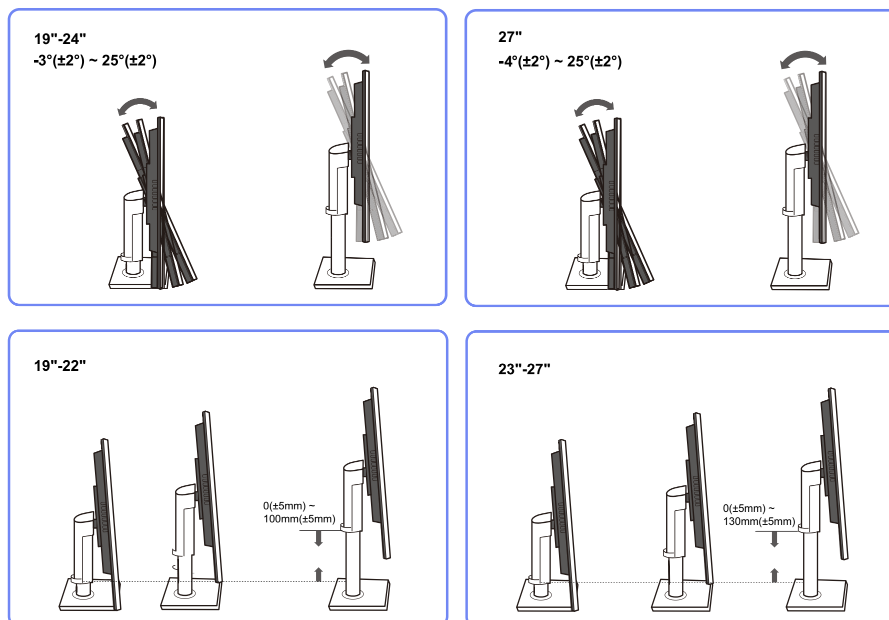


- Quá trình tháo rời sản phẩm được thực hiện theo hướng ngược lại với quá trình lắp ráp.
- Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

1.3.2 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm



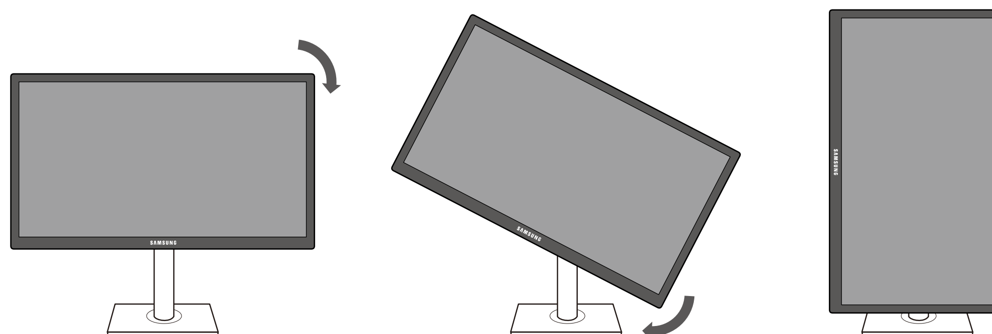
Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



- Để điều chỉnh độ cao, gỡ bỏ chốt định vị.
- Độ nghiêng và độ cao của sản phẩm có thể được điều chỉnh.
- Giữ điểm giữa ở trên đỉnh sản phẩm và điều chỉnh độ cao cẩn thận.

1.3.3 Xoay màn hình

Bạn có thể xoay màn hình như hiển thị dưới đây.



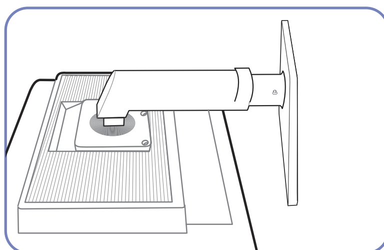


- Hãy chắc chắn nới rộng chân đế hoàn toàn trước khi xoay màn hình.
- Nếu bạn xoay màn hình mà không nới rộng chân đế hoàn toàn, góc màn hình có thể chạm xuống sàn và bị hỏng.
- Không được xoay màn ngược chiều kim đồng hồ. Màn hình có thể bị hỏng.

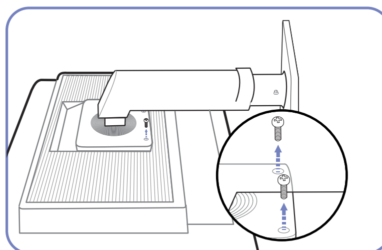
1.3.4 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

Trước khi lắp đặt

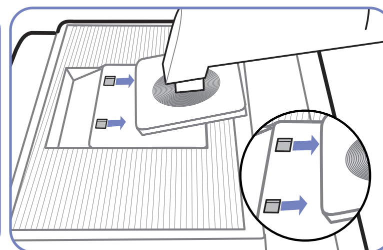
 Hãy tắt nguồn sản phẩm và tháo dời cáp nguồn khỏi ổ cắm.



Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

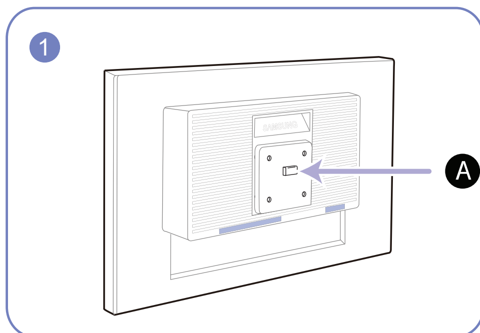


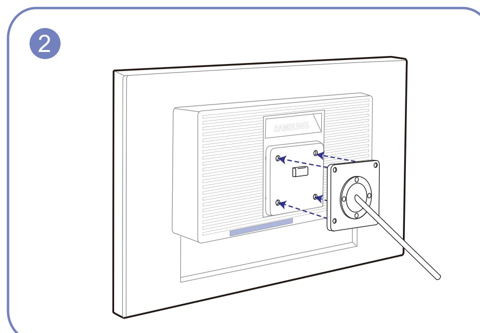
Tháo vít ở mặt sau của sản phẩm.

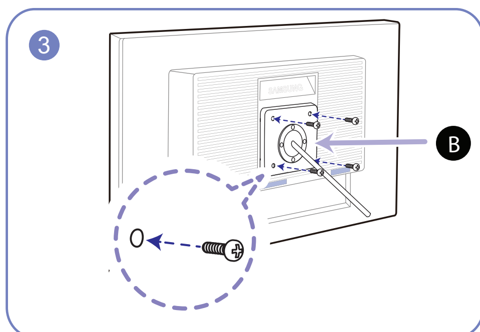


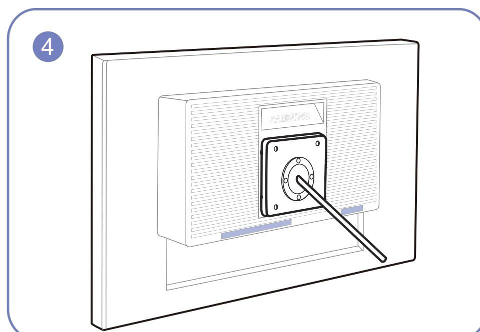
Nâng và tháo chân đế.

Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn









Ⓐ Gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn

Ⓑ Giá (bán riêng)

Xếp thẳng rãnh và siết chặt vít trên giá của sản phẩm với những phần còn lại trên giá treo tường hoặc giá trên mặt bàn mà bạn muốn gắn.

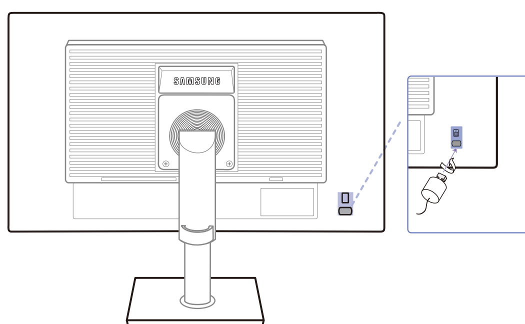


Lưu ý

- Sử sụng vít dài hơn độ dài tiêu chuẩn có thể làm hỏng những bộ phận bên trong sản phẩm.
- Độ dài của các vít bắt buộc cho một giá treo tường không tuân theo các tiêu chuẩn VESA có thể khác nhau tùy vào các thông số.
- Không sử dụng vít không phù hợp với tiêu chuẩn VESA. Không gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh. Sản phẩm có thể bị hỏng hoặc rơi và gây thương tích. Samsung không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc hoặc thương tích nào gây ra bởi việc sử dụng vít không đúng hoặc gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh.
- Samsung không chịu trách nhiệm về những hỏng hóc đối với sản phẩm hoặc thương tích liên quan đến việc sử dụng giá treo tường khác giá treo tường được chỉ định hoặc do bạn tự lắp đặt giá treo tường.
- Để gắn sản phẩm lên tường, hãy đảm bảo rằng bạn mua giá treo tường có thể được gắn cách tường tối thiểu 10cm.
- Hãy đảm bảo sử dụng bộ giá treo tường tuân theo những tiêu chuẩn này.
- Để lắp đặt màn hình bằng giá treo tường, hãy tháo chân đế khỏi màn hình.

1.3.5 Khóa chống trộm

Khóa chống trộm cho phép bạn sử dụng sản phẩm một cách an toàn ngay cả ở những nơi công cộng. Hình dạng thiết bị khóa và cách thức khóa tùy thuộc vào nhà sản xuất. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết. Thiết bị khóa được bán riêng.





Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

Để khóa thiết bị khóa chống trộm:

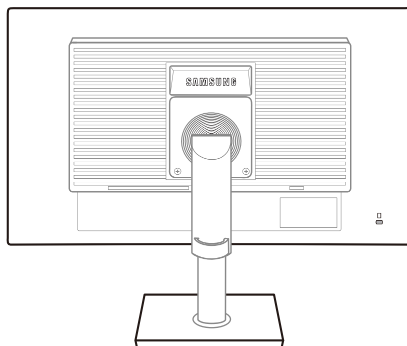
1 Cố định cáp của thiết bị khóa chống trộm vào một vật nặng ví dụ như bàn làm việc.
2 Luồn một đầu của cáp qua móc ở đầu kia của cáp.
3 Đặt thiết bị khóa vào bên trong khe khóa chống trộm ở phía sau sản phẩm.
4 Khóa thiết bị khóa.



- Bạn có thể mua riêng thiết bị khóa chống trộm.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa chống trộm tại các cửa hàng bán lẻ đồ điện tử hoặc mua qua mạng.

2 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

2.1 Trước khi kết nối



2.1.1 Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

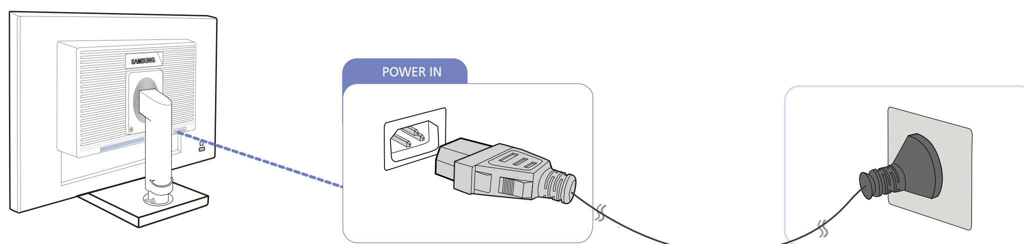
- Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm.

  Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.

  Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

2.2 Kết nối Nguồn

- Để sử dụng sản phẩm này, hãy nối dây nguồn với ổ cắm và cổng [POWER IN] trên sản phẩm. (Điện áp vào được chuyển tự động.)



2.3 Kết nối và sử dụng PC

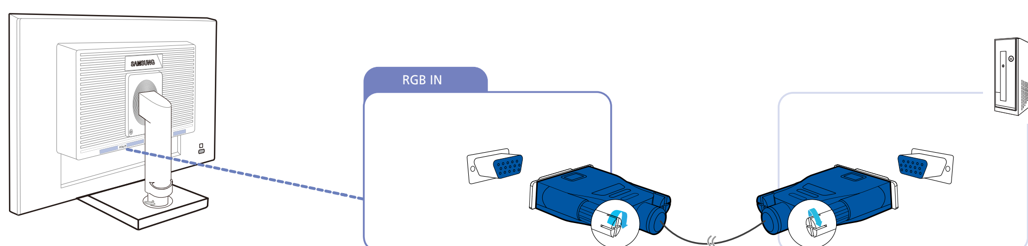
2.3.1 Kết nối với máy tính

- Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)

 Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác. Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.

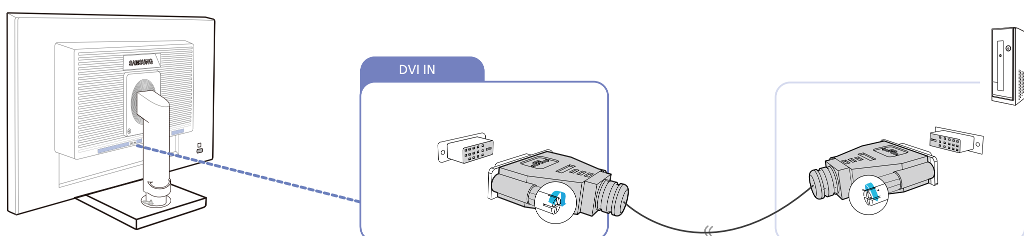


1 Kết nối cáp D-SUB với cổng [RGB IN] trên mặt sau của sản phẩm và cổng RGB trên máy tính.

2 Nhấn [□/⇨] để thay đổi nguồn vào thành **Analog**.

Sử dụng cáp DVI để kết nối

 Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác. Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.



1 Kết nối cáp DVI với cổng [DVI IN] ở phía sau sản phẩm và cổng DVI trên máy tính.

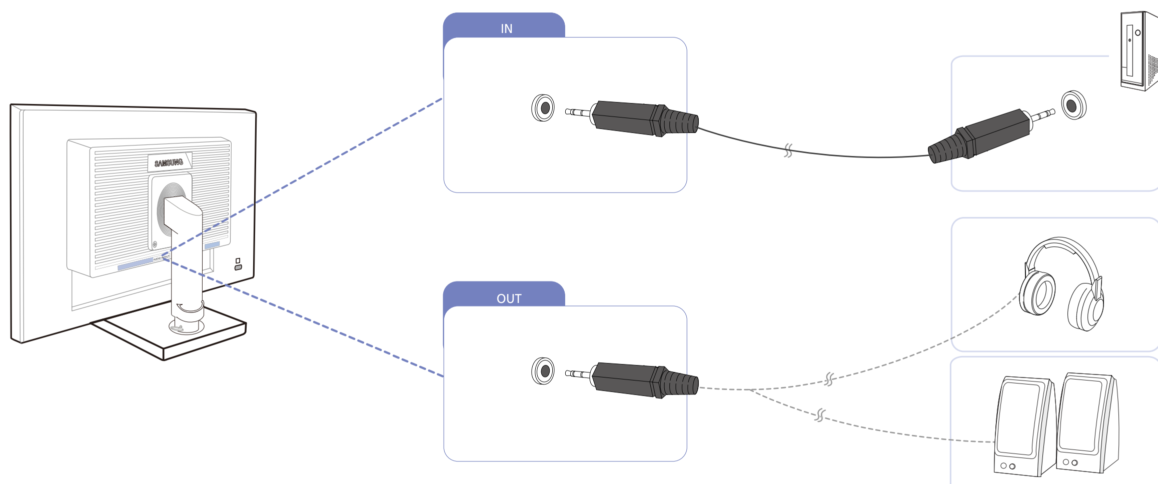
2 Nhấn [□/⇨] để thay đổi nguồn vào thành **DVI**.

2 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

Kết nối với Tai nghe hoặc Loa



Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác. Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.



1 Kết nối thiết bị đầu ra âm thanh chẳng hạn như tai nghe hoặc loa với cổng [OUT] trên sản phẩm.

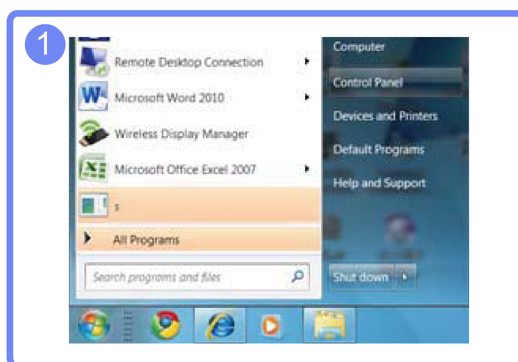


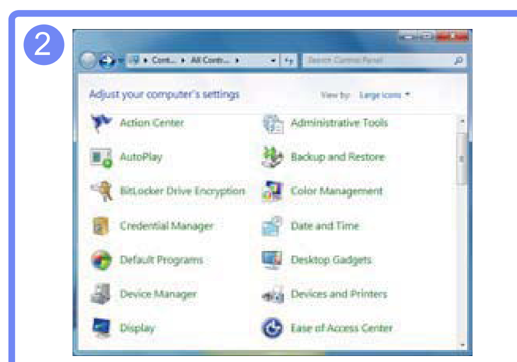
Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa.

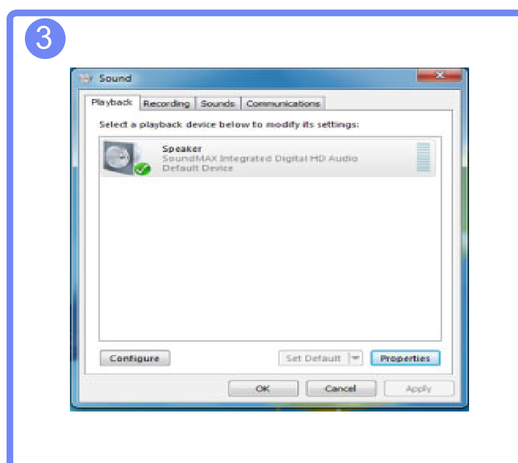
2 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

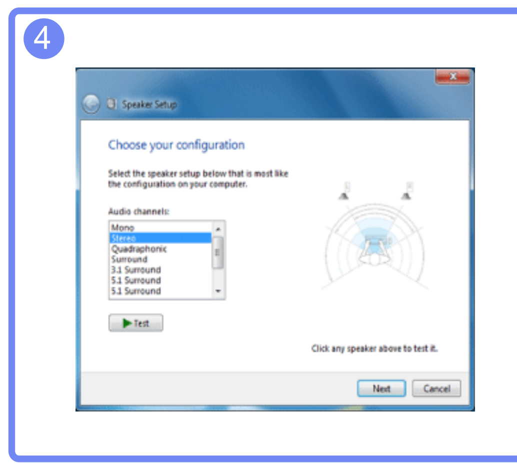
Thay đổi cài đặt âm thanh trên Windows

Bảng điều khiển → Âm thanh → Loa → Thiết lập Loa









2 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

2.3.2 Cài đặt trình điều khiển



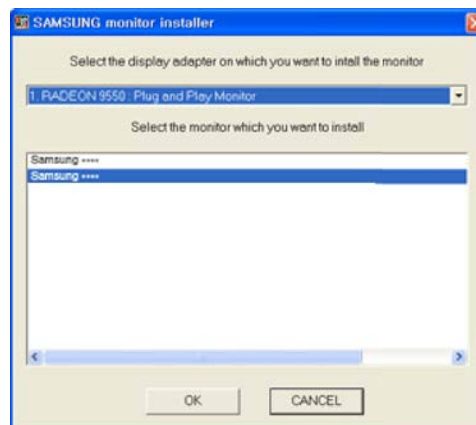
- Bạn có thể đặt độ phân giải và tần số tối ưu cho sản phẩm này bằng cách cài đặt các trình điều khiển tương tương cho sản phẩm.
- Trình điều khiển cài đặt được đóng gói trong CD cung cấp kèm theo sản phẩm này.
- Nếu tập tin được cung cấp bị lỗi, hãy truy cập trang chủ Samsung (http://www.samsung.com) và tải tập tin xuống.

1 Đưa đĩa CD sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm vào ổ đĩa CD-ROM.

2 Nhấp vào "Windows Driver".

3 Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

4 Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.



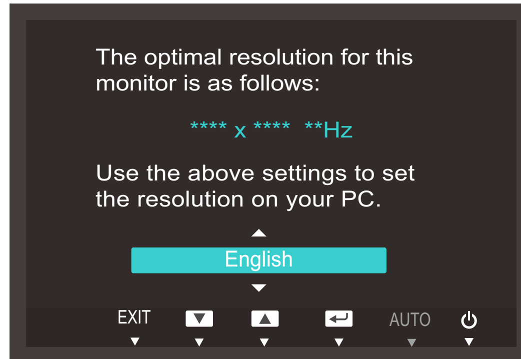
5 Hãy đi đến Display Properties (Thuộc tính Màn hình) và kiểm tra độ phân giải và tỷ lệ làm tươi là phù hợp.

Hãy tham khảo sổ tay hướng dẫn về Hệ điều hành Windows để biết thêm chi tiết.

2.3.3 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Một thông báo thông tin về việc thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện nếu bạn bật nguồn sản phẩm lần đầu tiên sau khi mua.

Chọn một ngôn ngữ trên sản phẩm và thay đổi độ phân giải trên máy tính của bạn thành cài đặt tối ưu.



1 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [□/⇨].

2 Để ẩn thông báo thông tin, hãy nhấn [MENU].



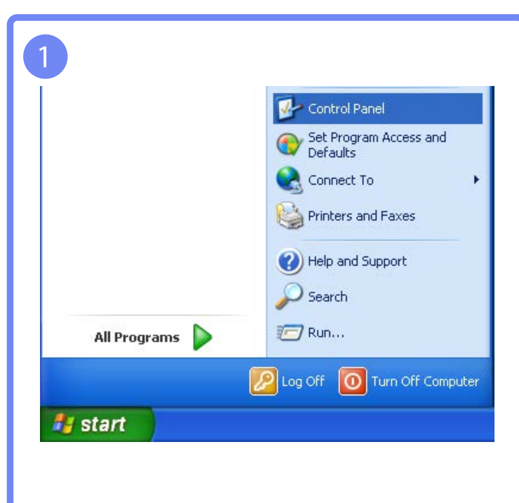
- Nếu độ phân giải tối ưu không được chọn, thông báo này sẽ xuất hiện tối đa ba lần trong khoảng thời gian chỉ định ngay cả khi tắt và bật lại sản phẩm.
- Bạn cũng có thể chọn độ phân giải tối ưu trong **Pa-nen điều khiển** trên máy tính.

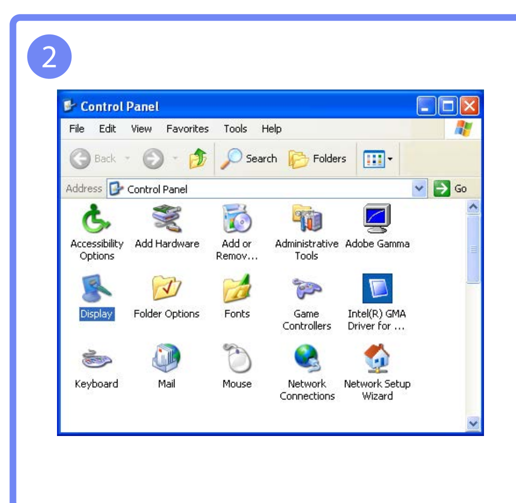
2.3.4 Thay đổi độ phân giải bằng máy tính

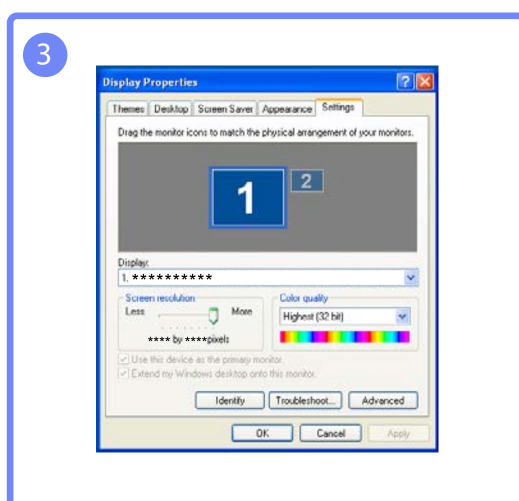
- Điều chỉnh độ phân giải và tỷ lệ làm tươi trong Control Panel (Bảng điều khiển) trên PC để thu được chất lượng hình ảnh tối ưu.
- Chất lượng hình ảnh của TFT-LCD có thể suy giảm nếu không chọn độ phân giải tối ưu.

Thay đổi độ phân giải trên WIndows XP

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và thay đổi độ phân giải.

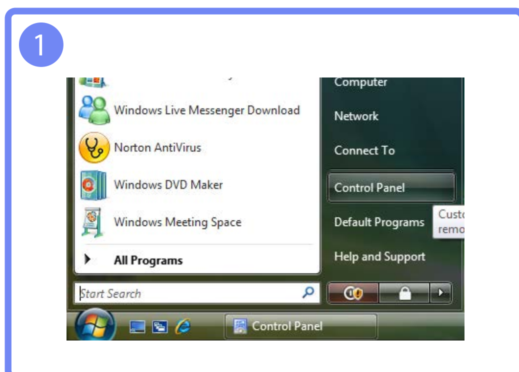


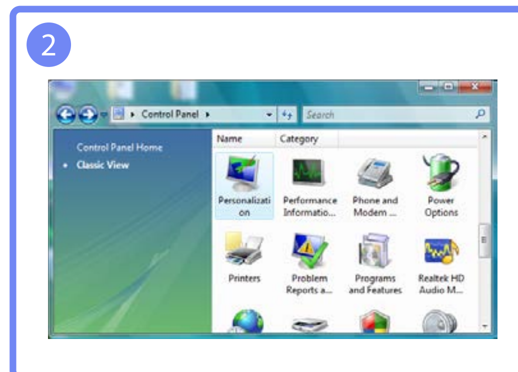


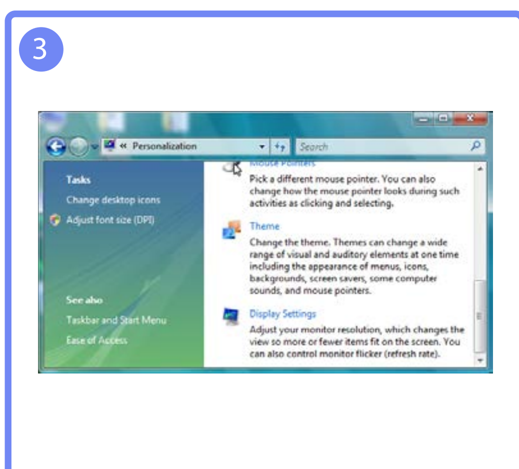


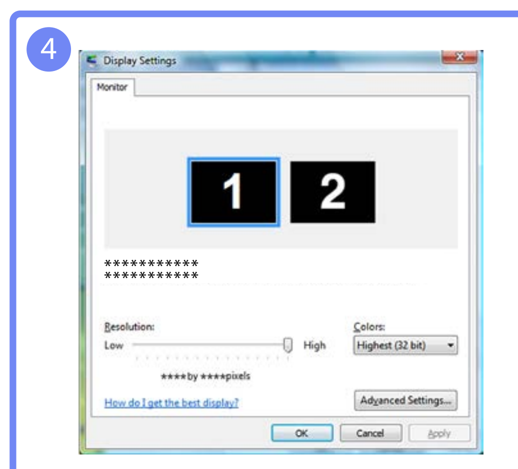
Thay đổi độ phân giải trên Windows Vista

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và thay đổi độ phân giải.









2 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

Thay đổi độ phân giải trên Windows 7

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Độ phân giải màn hình** và thay đổi độ phân giải.

1

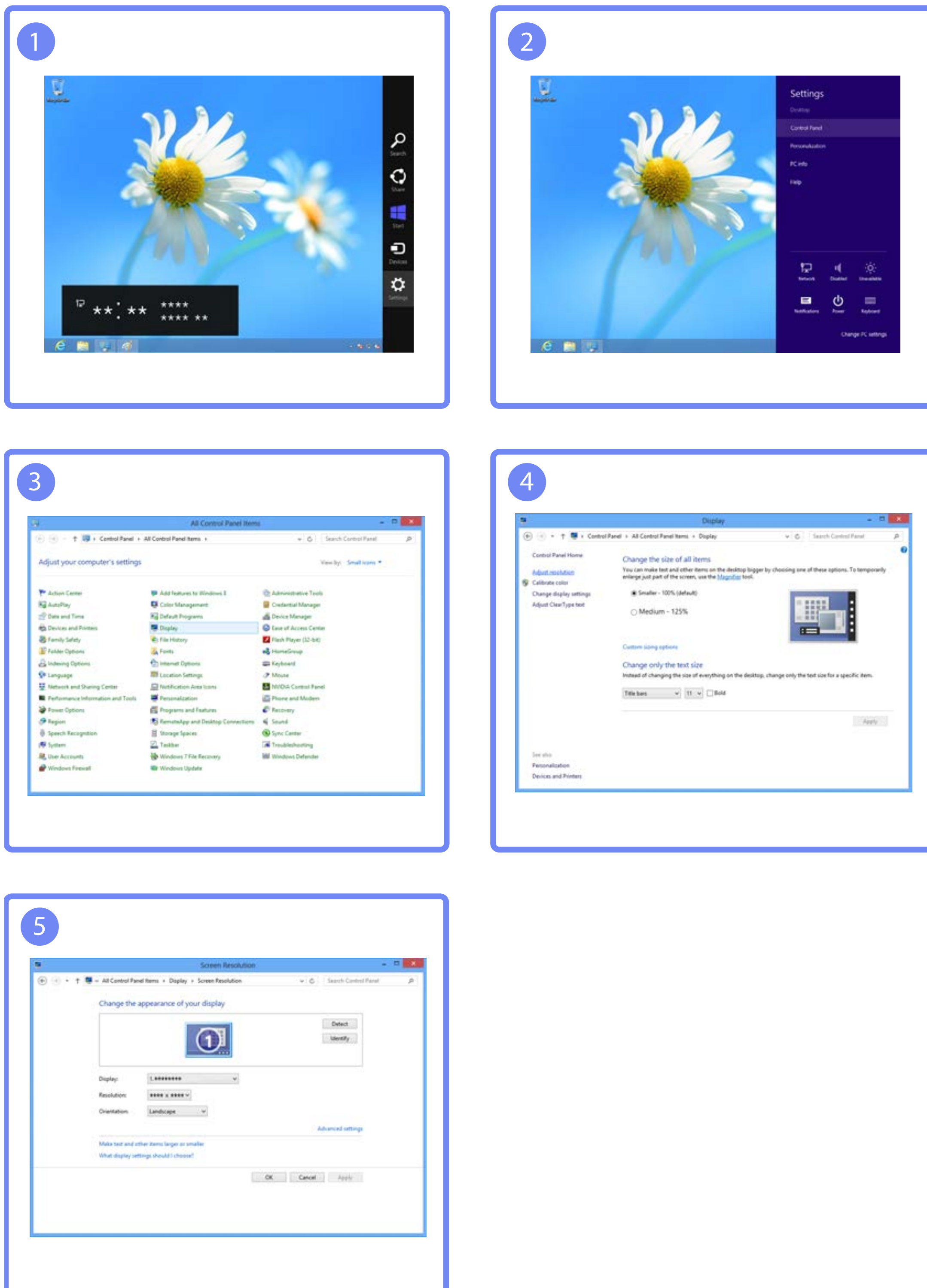
2

3

4

Thay đổi độ phân giải trên Windows 8

Đi tới **Cài đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Độ phân giải màn hình** và thay đổi độ phân giải.



3 Thiết lập màn hình

Đặt cấu hình các cài đặt màn hình như độ sáng.

3.1 Brightness

Điều chỉnh độ sáng chung của hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho hình ảnh trông sáng hơn.



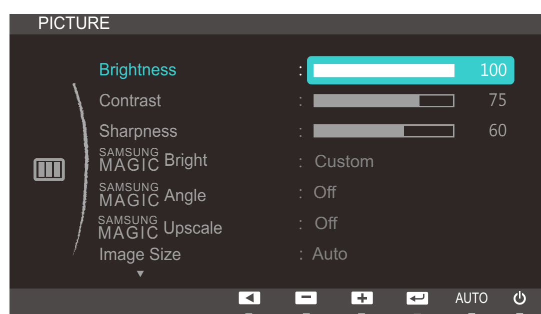
- Menu này không khả dụng khi **SAMSUNG MAGIC Bright** được đặt ở chế độ **Dynamic Contrast**.
- Không có trình đơn này khi tính năng **Eco Saving** được cài đặt.

3.1.1 Đặt cấu hình cho Brightness

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Brightness** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Brightness** bằng nút [▲/▼].

3 Thiết lập màn hình

3.2 Contrast

Điều chỉnh độ tương phản giữa các đối tượng và nền. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm tăng độ tương phản làm cho đối tượng trông rõ hơn.



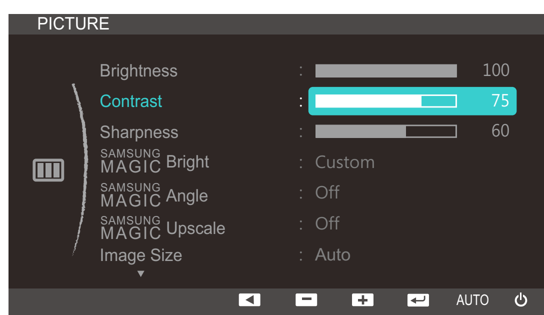
Menu này không khả dụng khi **SAMSUNG MAGICBright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

3.2.1 Đặt cấu hình Contrast

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Contrast** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Contrast** bằng nút [▲/▼].

3.3 Sharpness

Làm cho đường viền đối tượng rõ hơn hoặc mờ hơn. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho đường viền đối tượng rõ hơn.



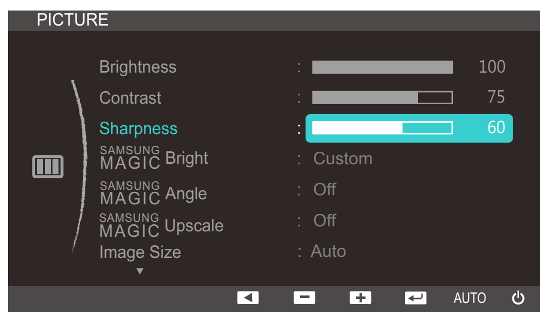
- Tùy chọn này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang trong chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Upscale** ở trong **Mode1** hoặc **Mode2**.

3.3.1 Đặt cấu hình Sharpness

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Sharpness** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Sharpness** bằng nút [▲/▼].

3 Thiết lập màn hình

3.4 SAMSUNG MAGIC Bright

Menu này cung cấp chất lượng hình ảnh tối ưu phù hợp với môi trường mà sản phẩm sẽ được sử dụng.



- Không có trình đơn này khi tính năng **Eco Saving** được cài đặt.
- Trình đơn này không xuất hiện nếu cài đặt **SAMSUNG MAGIC Angle** đang bật.

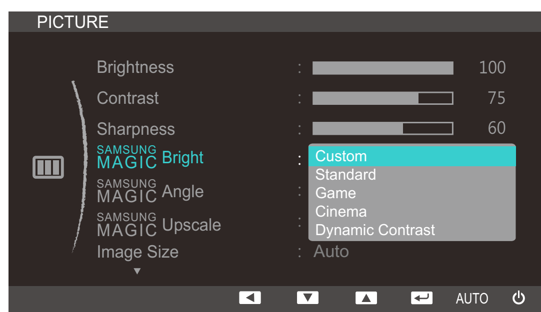
Bạn có thể tùy chỉnh độ sáng sao cho phù hợp với tùy chọn của mình.

3.4.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Bright

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SAMSUNG MAGIC Bright** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **Custom**: Tùy chỉnh độ tương phản và độ sáng như yêu cầu.
- **Standard**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chỉnh sửa tài liệu hoặc sử dụng Internet.
- **Game**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chơi trò chơi có nhiều hiệu ứng đồ họa và di chuyển sống động.
- **Cinema**: Đạt được độ sáng và độ nét của TV phù hợp để thưởng thức nội dung video và DVD.
- **Dynamic Contrast**: Đạt được độ sáng cân bằng thông qua điều chỉnh độ tương phản tự động.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇦].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

3.5 SAMSUNG MAGIC Angle

SAMSUNG MAGIC**Angle** cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt để có được chất lượng hình ảnh tối ưu theo góc xem của bạn.



Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

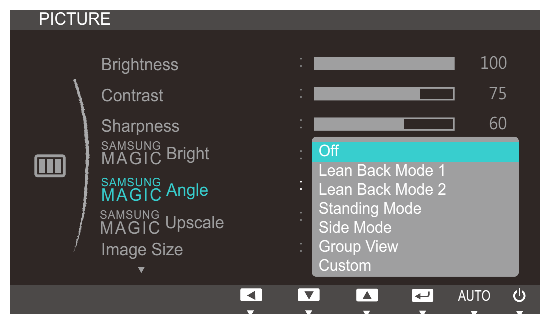
Bạn có thể tùy chỉnh góc sao cho phù hợp với tùy chọn của mình.

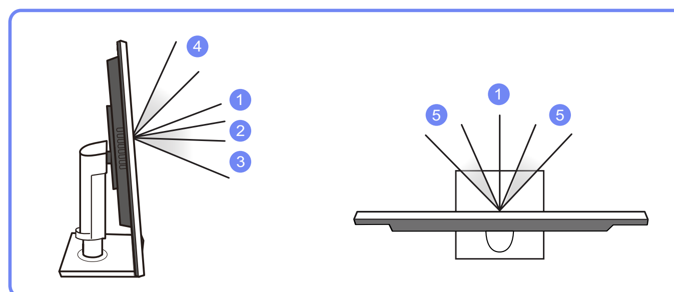
3.5.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Angle

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⮐] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Angle** và nhấn [□/⮐] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.





- **Off** ①: Chọn tùy chọn này để xem ở ngay phía trước sản phẩm.
- **Lean Back Mode 1** ②: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí hơi thấp hơn so với sản phẩm.
- **Lean Back Mode 2** ③: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí thấp hơn chế độ Lean Back Mode 1.
- **Standing Mode** ④: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí cao hơn so với sản phẩm.
- **Side Mode** ⑤: Chọn tùy chọn này để xem ở bên cạnh sản phẩm.
- **Group View**: Chọn tùy chọn này cho nhiều người xem để xem từ các vị trí ①, ④ và ⑤.
- **Custom**: **Lean Back Mode 1** sẽ được áp dụng theo mặc định nếu **Custom** được chọn.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⮐].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

3.6 SAMSUNG MAGIC Upscale

Chức năng SAMSUNG MAGIC **Upscale** có thể tăng cường các lớp chi tiết hình ảnh và tính sống động của hình ảnh.



- Chức năng này có hiệu ứng rõ nét hơn đối với hình ảnh có độ phân giải thấp.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC **Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

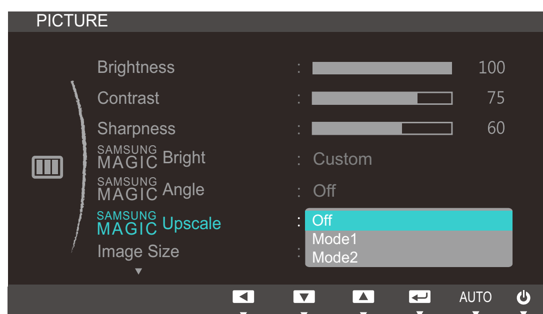
3.6.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Upscale

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC **Upscale** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



So với **Mode1**,**Mode2** có hiệu ứng mạnh mẽ hơn.

4 Nhấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và nhấn [□/⇦].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

3.7 Image Size

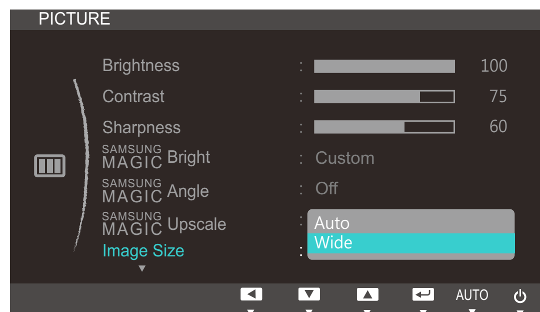
Thay đổi kích thước hình ảnh.

3.7.1 Thay đổi Image Size

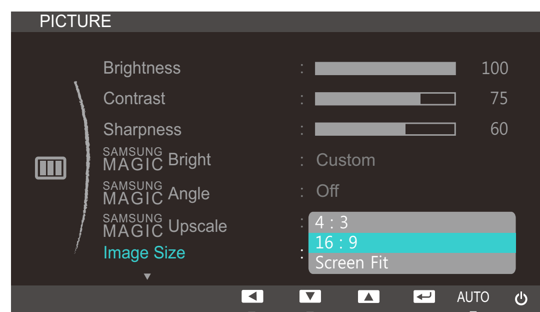
1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

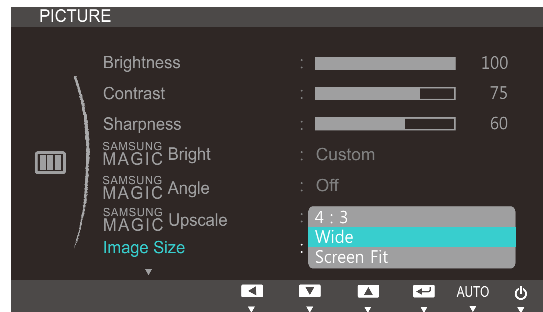
3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Image Size** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **Auto**: Hiển thị hình ảnh theo tỷ lệ khung hình của nguồn vào.
- **Wide**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình bất kể tỷ lệ khung hình của nguồn vào.



- **4:3**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình 4:3. Phù hợp cho các video và tín hiệu phát tiêu chuẩn.
- **16:9**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình 16:9.
- **Screen Fit**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình gốc mà không bị cắt bỏ.



- **4:3**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình 4:3. Phù hợp cho các video và tín hiệu phát tiêu chuẩn.
- **Wide**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình bất kể tỷ lệ khung hình của nguồn vào.(S19C450BW/S19C450MW/S22C450BW/S22C450MW/S24C450BW/S24C450MW)
- **Screen Fit**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình gốc mà không bị cắt bỏ.



Thay đổi kích thước màn hình sẵn có khi thỏa mãn các điều kiện sau, ngoại trừ các Mẫu màn hình S19C450BR và S19C450MR.

- Thiết bị đầu ra kỹ thuật số được kết nối bằng cáp DVI.
- Tín hiệu đầu vào là 480p, 576p, 720p hoặc 1080p và màn hình có thể hiển thị bình thường (không phải mọi mẫu màn hình có thể hỗ trợ tất cả các tín hiệu này).
- Điều này chỉ thực hiện được khi ngõ nhập ngoại được kết nối với cổng DVI và **PC/AV Mode** được để **AV**.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⏎].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

3.8 H-Position & V-Position

H-Position: Di chuyển màn hình sang trái hoặc sang phải.

V-Position: Di chuyển màn hình lên hoặc xuống.

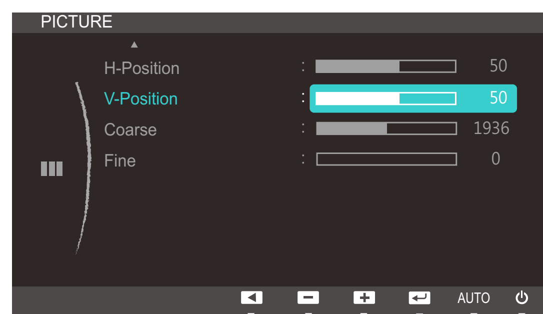


- Trình đơn này sẵn có trong chế độ **Analog**.
- Trình đơn này chỉ sẵn có khi **Image Size** được đặt sang **Screen Fit** trong chế độ **AV**. Khi tín hiệu 480P hoặc 576P hoặc 720P hoặc 1080P là đầu vào trong chế độ **AV** và màn hình có thể hiển thị bình thường, chọn **Screen Fit** để điều chỉnh vị trí nằm ngang trong mức từ 0 đến 6.

3.8.1 Đặt cấu hình H-Position & V-Position

1. Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **H-Position** hoặc **V-Position** và nhấn [□/⇥]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.





4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **H-Position** hoặc **V-Position**.

3 Thiết lập màn hình

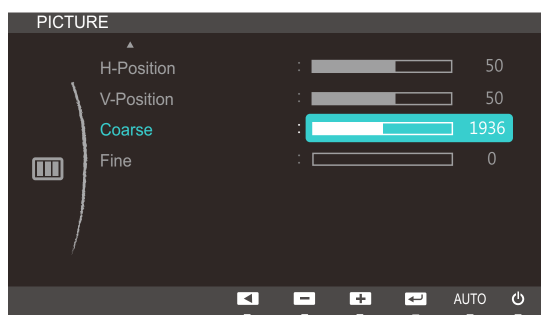
3.9 Coarse

Điều chỉnh tần số màn hình.

 Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

3.9.1 Điều chỉnh Coarse

1. Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Coarse** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4. Điều chỉnh **Coarse** bằng nút [▲/▼].

3.10 Fine

Tinh chỉnh màn hình để đạt được hình ảnh sống động.

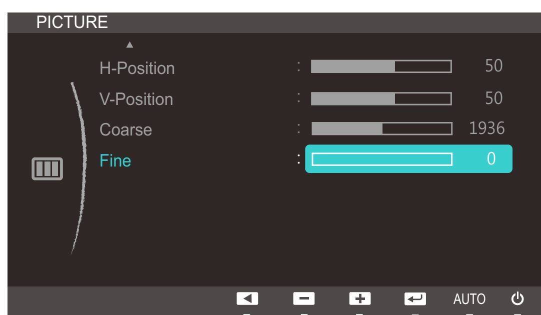
 Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

3.10.1 Điều chỉnh Fine

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Fine** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Fine** bằng nút [▲/▼].

4 Đặt cấu hình tông màu

Điều chỉnh tông màu của màn hình. Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** được đặt ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

4.1 Red

Điều chỉnh giá trị của màu đỏ trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

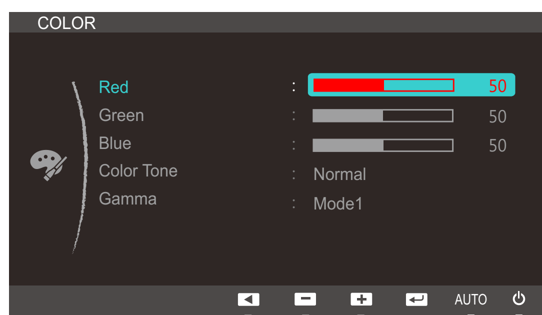
Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

4.1.1 Đặt cấu hình Red

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Red** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Red** bằng nút [▲/▼].

4.2 Green

Điều chỉnh giá trị của màu xanh lá cây trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

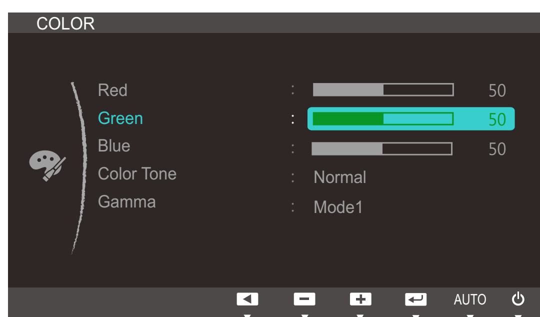
Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

4.2.1 Đặt cấu hình Green

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Green** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Green** bằng nút [▲/▼].

4.3 Blue

Điều chỉnh giá trị của màu xanh dương trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

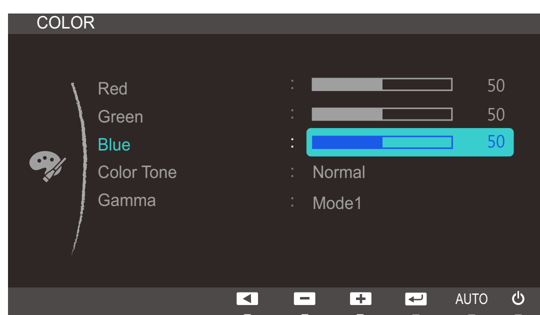
Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

4.3.1 Đặt cấu hình Blue

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Blue** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Điều chỉnh **Blue** bằng nút [▲/▼].

4.4 Color Tone

Điều chỉnh tông màu chung của hình ảnh.

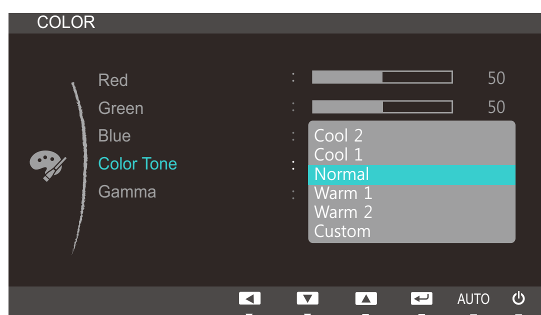
 Trình đơn này không xuất hiện nếu cài đặt SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

4.4.1 Cấu hình cài đặt Color Tone

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [**MENU**] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Color Tone** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **Cool 2**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn **Cool 1**.
- **Cool 1**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn chế độ **Normal**.
- **Normal**: Hiển thị tông màu tiêu chuẩn.
- **Warm 1**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn chế độ **Normal**.
- **Warm 2**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn **Warm 1**.
- **Custom**: Tùy chỉnh tông màu.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇦].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

4 Đặt cấu hình tông màu

4.5 Gamma

Điều chỉnh độ sáng trung bình (Gamma) của hình ảnh.



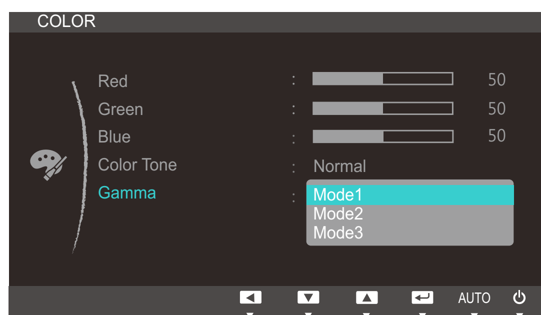
Trình đơn này không xuất hiện nếu cài đặt SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

4.5.1 Đặt cấu hình Gamma

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Gamma** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇥].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

5 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

5.1 Language

Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.



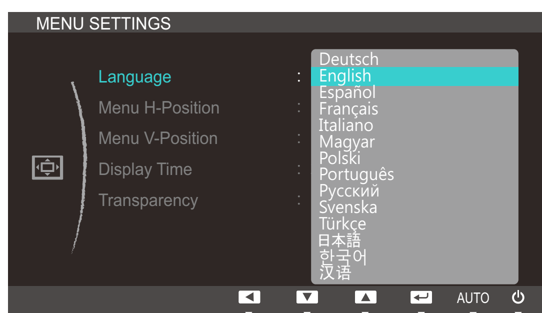
- Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình.
- Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

5.1.1 Thay đổi Language

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **MENU SETTINGS** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Language** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [□/⇦].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

5.2 Menu H-Position & Menu V-Position

Menu H-Position: Di chuyển vị trí menu sang trái hoặc sang phải.

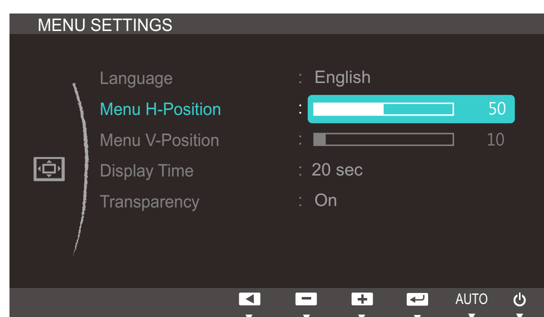
Menu V-Position: Di chuyển vị trí menu lên hoặc xuống.

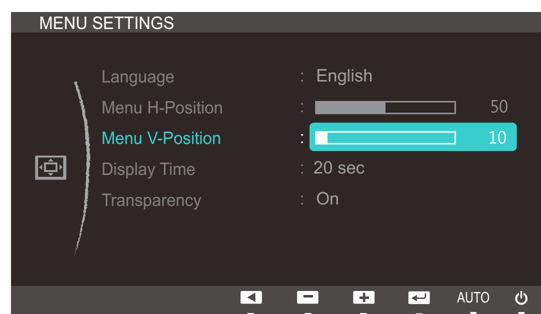
5.2.1 Đặt cấu hình Menu H-Position & Menu V-Position

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **MENU SETTINGS** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position** và nhấn [□/⇥]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.





4 Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position**.

5.3 Display Time

Đặt menu hiển thị trên màn hình (OSD) thành tự động biến mất nếu menu không được sử dụng trong khoảng thời gian đã chỉ định.

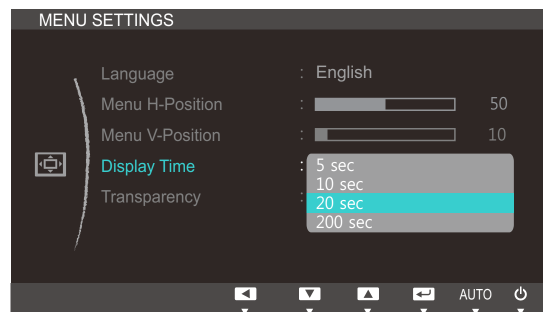
Có thể sử dụng **Display Time** để chỉ định khoảng thời gian mà bạn muốn menu OSD biến mất sau đó.

5.3.1 Đặt cấu hình Display Time

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **MENU SETTINGS** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Display Time** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇨].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

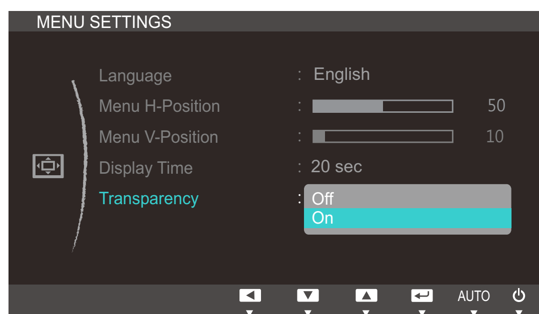
5 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

5.4 Transparency

Cài đặt độ trong suốt cho các cửa sổ trình đơn:

5.4.1 Thay đổi Transparency

1. Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **MENU SETTINGS** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Transparency** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇦].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6 Thiết lập và khôi phục

6.1 Reset

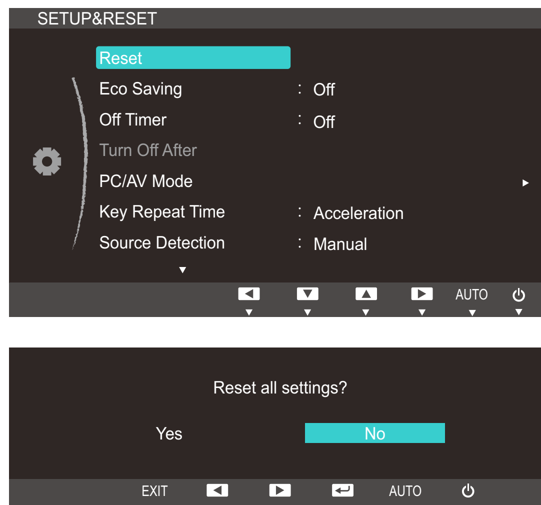
Đặt tất cả các cài đặt của sản phẩm trở về cài đặt xuất xưởng mặc định.

6.1.1 Bắt đầu cài đặt (Reset)

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [**MENU**] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Reset** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇨].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.2 Eco Saving

Tính năng **Eco Saving** giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách điều chỉnh dòng điện mà panel màn hình sử dụng.

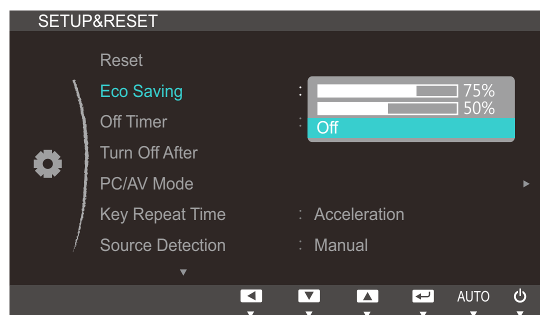
 Menu này không khả dụng khi **SAMSUNG MAGIC Bright** đang ở chế độ **Dynamic Contrast**.

6.2.1 Cấu hình tính năng Tiết kiệm Năng lượng

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Eco Saving** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **75%**: Giảm mức tiêu thụ năng lượng của màn hình xuống còn 75% mức mặc định.
- **50%**: Giảm mức tiêu thụ năng lượng của màn hình xuống còn 50% mức mặc định.
- **Off**: Tắt tính năng **Eco Saving**.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇨].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.3 Off Timer

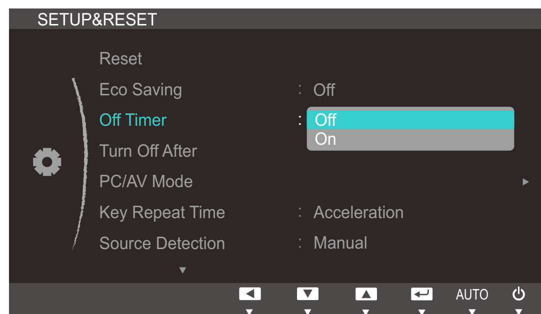
Bạn có thể thiết đặt để sản phẩm tự động tắt.

6.3.1 Cấu hình Off Timer

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇲] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Off Timer** và nhấn [□/⇲] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **Off**: Tắt chức năng hẹn giờ tắt để sản phẩm không tự động tắt nguồn.
- **On**: Kích hoạt chức năng hẹn giờ tắt để sản phẩm tự động tắt nguồn.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇲].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.4 Turn Off After

Có thể đặt hẹn giờ tắt trong khoảng từ 1 đến 23 tiếng. Sản phẩm sẽ tự động tắt nguồn sau số tiếng đã chỉ định.



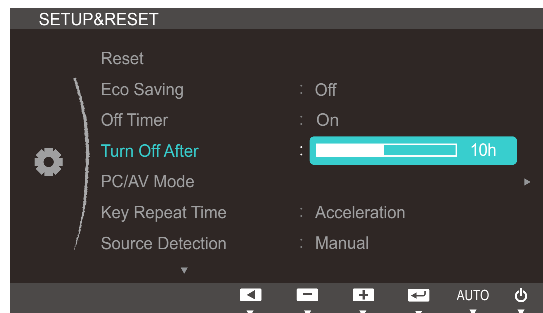
Menu này chỉ khả dụng khi **Off Timer** được đặt ở **On**.

6.4.1 Đặt cấu hình Turn Off After

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [**MENU**] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Turn Off After** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Turn Off After**.

6.5 PC/AV Mode

Đặt **PC/AV Mode** là **AV**. Kích thước ảnh này sẽ được phóng to. Tùy chọn này hữu ích khi bạn xem phim.



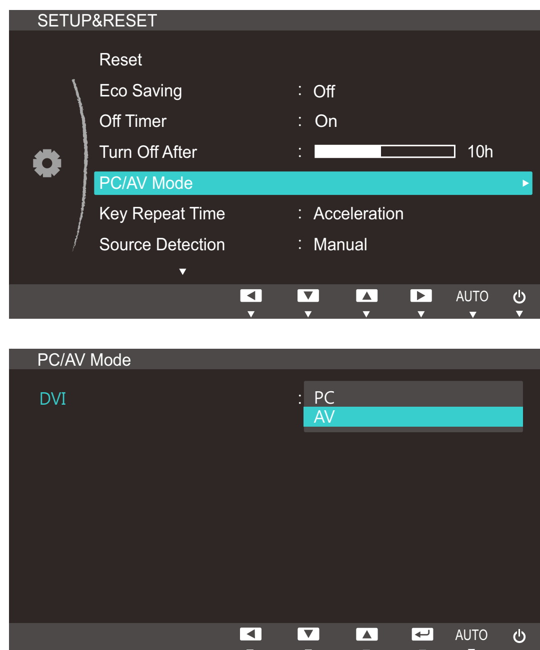
- Chức năng này không hỗ trợ chế độ Analog.
- Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16:9 hoặc 16:10
- Nếu màn hình (khi cài đặt về DVI) đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc đang hiển thị thông báo **Check Signal Cable**, hãy nhấn nút [MENU] để hiển thị trình đơn Điều khiển trên màn hình (OSD). Bạn có thể chọn **PC** hoặc **AV**.

6.5.1 Đặt cấu hình PC/AV Mode

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PC/AV Mode** và nhấn [□/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⏎].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.6 Key Repeat Time

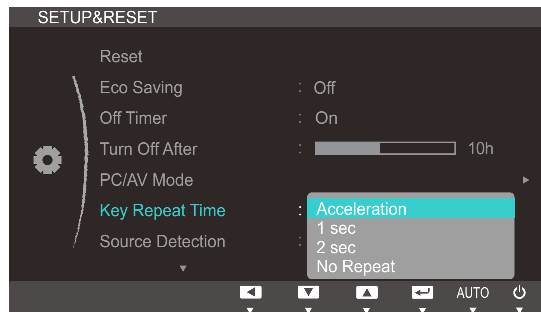
Điều khiển tốc độ đáp ứng của một nút khi nút đó được nhấn.

6.6.1 Đặt cấu hình Key Repeat Time

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Key Repeat Time** và nhấn [□/⇨] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- Có thể chọn **Acceleration**, **1 sec** hoặc **2 sec**. Nếu **No Repeat** được chọn, một lệnh sẽ chỉ đáp ứng một lần khi nhấn một nút.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇨].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.7 Source Detection

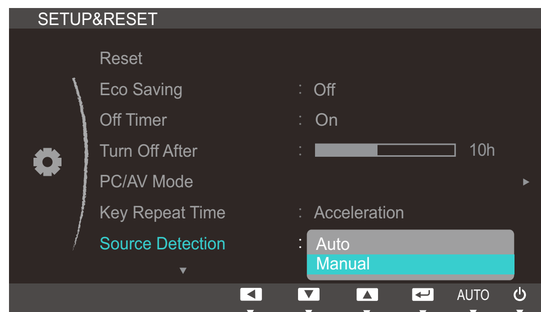
Kích hoạt **Source Detection**.

6.7.1 Đặt cấu hình Source Detection

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Source Detection** và nhấn [□/⇦] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **Auto**: Nguồn vào được nhận diện tự động.
- **Manual**: Chọn nguồn vào theo cách thủ công.

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇦].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6.8 Customized Key

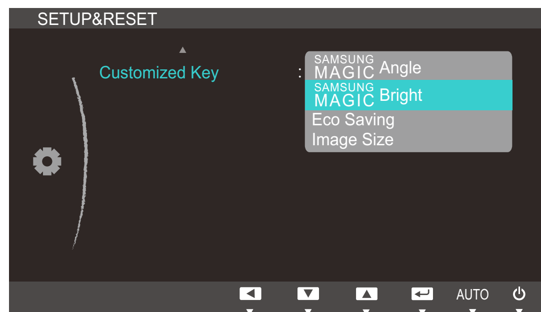
Bạn có thể tùy chỉnh **Customized Key** như sau.

6.8.1 Cấu hình Customized Key

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm.

3 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Customized Key** và nhấn [□/⇥] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



- **SAMSUNG MAGIC Angle** - **SAMSUNG MAGIC Bright** - **Eco Saving** - **Image Size**

4 Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [□/⇥].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7 Menu INFORMATION và các thông tin khác

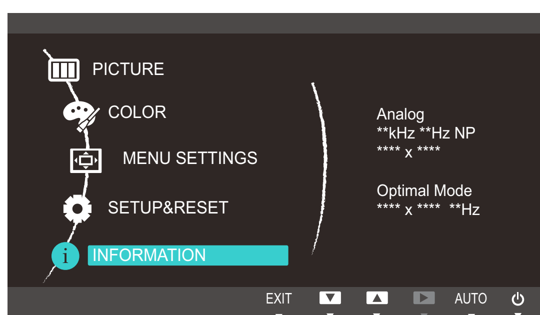
7.1 INFORMATION

Hiển thị nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại.

7.1.1 Hiển thị INFORMATION

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, bấm [MENU] để hiển thị màn hình trình đơn tương ứng.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **INFORMATION**. Nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại sẽ xuất hiện.



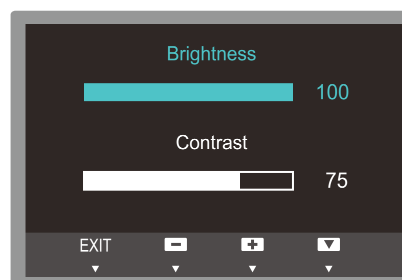


Các mục trên menu hiển thị có thể thay đổi tùy theo mẫu.

7.2 Cấu hình Brightness va Contrast trong màn hình bắt đầu

Điều chỉnh cài đặt **Brightness** hoặc **Contrast** bằng các nút [⊙] trong màn hình bắt đầu (nơi menu OSD không hiển thị).

1 Bấm bất kỳ nút nào ở mặt trước của sản phẩm (khi không có màn hình trình đơn nào hiển thị) để hiển thị Hướng dẫn Bàn phím. Tiếp theo, hãy bấm [⊙]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



2 Nhấn nút [□/⇦] để chuyển đổi giữa cài đặt **Brightness** và **Contrast**.

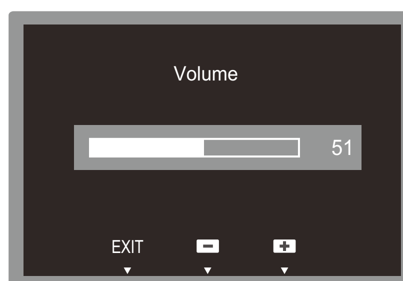
3 Điều chỉnh cài đặt **Brightness** hoặc **Contrast** bằng các nút [▲/▼].

Menu INFORMATION và các thông tin khác

7.3 Cấu hình Volume trong màn hình bắt đầu

Điều chỉnh **Volume** bằng cách bấm nút [⊙] khi Hướng dẫn Bàn phím hiển thị.

1 Bấm bất kỳ nút nào ở mặt trước của sản phẩm (khi không có màn hình trình đơn nào hiển thị) để hiển thị Hướng dẫn Bàn phím. Tiếp theo, hãy bấm [⊙]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.



2 Điều chỉnh cài đặt **Volume** bằng các nút [▲/▼].



- Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa.
- **Volume** có thể được điều chỉnh nếu bạn kết nối cáp với cổng [IN].

8 Cài đặt phần mềm

8.1 Magic Tune

8.1.1 MagicTune là gì?



MagicTune là phần mềm trợ giúp tùy chỉnh màn hình bằng cách cung cấp các mô tả đầy đủ chức năng màn hình và các hướng dẫn dễ hiểu.

Bạn có thể điều chỉnh sản phẩm từ chuột và bàn phím mà không cần thao tác trên các nút điều khiển của sản phẩm.

8.1.2 Cài đặt phần mềm

1 Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.

2 Chọn chương trình cài đặt MagicTune.

> Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin MagicTune trên CD-ROM.

3 Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Tiếp tục].

4 Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicTune có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicTune™)

Cài đặt MagicTune™có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Yêu cầu về hệ thống

HĐH

- Windows XP, Windows Vista, Windows 7, Windows 8

8.1.3 Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicTune™từ [Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicTune™, hãy hoàn thành các bước sau.

8 Cài đặt phần mềm

1 Nhấp [Bắt đầu] chọn [Cài đặt], và chọn [Bảng điều khiển] từ menu.

Trong Windows XP, nhấp [Bắt đầu], và chọn [Bảng điều khiển] từ menu.

2 Nhấp đúp vào biểu tượng [Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình] trong Bảng điều khiển.

3 Trong cửa sổ [Thêm/Gỡ bỏ] tìm và chọn MagicTune™, tên chương trình hiện sáng lên khi được chọn.

4 Nhấp [Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình] để gỡ bỏ phần mềm.

5 Chọn [Có] để bắt đầu gỡ bỏ MagicTune™.

6 Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.



Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicTune™, vui lòng truy cập website(http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/magetune/pop_intro.html).

8.2 MultiScreen



Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

8.2.1 Cài đặt phần mềm

1 Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa [CD-ROM].

2 Chọn chương trình cài đặt "MultiScreen".

Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin "MultiScreen" trên [CD-ROM].

3 Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [**Tiếp tục**].

4 Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng "MultiScreen" có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím "F5".

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt "MultiScreen" có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

"HĐH"

- "Windows 2000"
- "Windows XP Home Edition"
- "Windows XP Professional"
- "Windows Vista 32bit"
- "Windows 7 32bit"
- "Windows 8 32bit"



Để sử dụng "MultiScreen", khuyến cáo sử dụng hệ điều hành "Windows 2000" hoặc mới hơn.

"Phần cứng"

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

8.2.2 Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [**Bắt đầu**], chọn [**Cài đặt**]/[**Bảng điều khiển**] và nhấp kép vào [**Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình**].

Chọn "MultiScreen" từ danh sách và nhấp nút [**Thêm**/**Xóa**].

8.3 MagicRotation



Phần mềm MagicRotation của Samsung Electronics, Inc. cung cấp cho người dùng các đặc tính xoay màn hình (hướng 0, 90, 180, 270) giúp dễ dàng tận dụng tối ưu màn hình máy tính, quan sát tốt hơn cũng như năng suất người dùng được cải thiện tốt hơn.

8.3.1 Cài đặt phần mềm

1 Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa [CD-ROM].

2 Chọn chương trình cài đặt "MagicRotation".

Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin "MagicRotation" trên [CD-ROM].

3 Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [**Tiếp tục**].

4 Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng "MagicRotation" có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím "F5".

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicRotation)

Cài đặt "MagicRotation" có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hạn chế

1 "Trình điều khiển màn hình" phải được nạp đầy đủ để chương trình MagicRotation hoạt động đúng.

"Trình điều khiển màn hình" phải là phiên bản mới nhất do người bán cung cấp.

2 Nếu một vài ứng dụng như Windows Media Player, Real Player v.v... không hiển thị hình ảnh phù hợp khi góc xoay màn hình là 90, 180 và 270 độ, bạn làm như sau:

- Đóng ứng dụng đó lại.
- Chọn góc xoay (90, 180, 270) theo yêu cầu.
- Sau đó chạy lại ứng dụng đó.

Trong hầu hết mọi trường hợp, thao tác này khắc phục được lỗi này.

3 Các phần mền ứng dụng sử dụng OpenGL và DirectDraw (hình ảnh 3D) sẽ không hoạt động được trong các chế độ xoay được chọn (90, 180, 270).

Ví dụ: trò chơi 3D

4 Trong các ứng dụng trên nền DOS ở chế độ toàn màn hình sẽ không hoạt động được trong các chế độ góc xoay được chọn (90, 180, 270).

5 Chế độ chạy đúp không được hỗ trợ trên Windows™ 98, ME, NT 4.0.

6 MagicRotation không hỗ trợ hình ảnh 24 bit/pixel (độ sâu Bit /Chất lượng hình ảnh).

7 Nếu bạn thay đổi card màn hình, bạn nên tháo gỡ phần mềm MagicRotation trước khi thay.

Yêu cầu về hệ thống

"HĐH"

- "Windows™ 98 SE "
- "Windows™ Me "
- "Windows™ NT 4.0 "
- "Windows™ 2000 "
- "Windows XP Home Edition "
- "Windows XP Professional "
- "Windows Vista 32bit "
- "Windows 7 32bit "
- "Windows 8 32bit"



Để sử dụng MagicRotation, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

"Phần cứng"

- Tối thiểu 128MB bộ nhớ (được khuyến cáo)
- Tối thiểu 25MB ổ cứng còn trống

"Gói dịch vu"

- Đề xuất sử dụng gói dịch vụ mới nhất cho hệ thống của bạn.
- Đối với Windows™, NT 4.0, các phần mềm Internet Explorer 5.0 và phiên bản mới hơn với thành phần Active Desktop được khuyến cáo nên dùng.



- Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo tài liệu website(http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/magicrotation/pop_download.html).
- Windows™ là nhãn hiệu đã đăng ký của công ty Microsoft.

8.3.2 Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicRotation từ [**Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình**] trong Windows.

Để gỡ bỏ "MagicRotation", hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Bắt đầu] chọn [Cài đặt], và chọn [Bảng điều khiển] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Bắt đầu], và chọn [Bảng điều khiển] từ menu.
2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình] trong Bảng điều khiển.
3. Trong cửa sổ [Thêm/Gỡ bỏ] tìm và chọn MagicRotation, tên chương trình hiện sáng lên khi được chọn.
4. Nhấp [Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Có] để bắt đầu gỡ bỏ MagicRotation.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.



Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicRotation, vui lòng truy cập website(http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/magicrotation/pop_download.html).

9 Hướng dẫn xử lý sự cố

9.1 Những yêu cầu trước khi liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Samsung

9.1.1 Kiểm tra sản phẩm



Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình tắt và đèn báo nguồn nhấp nháy mặc dù sản phẩm được kết nối đúng cách với máy tính, hãy thực hiện kiểm tra tự chẩn đoán.

1. Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
2. Rút cáp khỏi sản phẩm.
3. Bật nguồn sản phẩm.
4. Nếu thông báo **Check Signal Cable** xuất hiện, sản phẩm hoạt động bình thường.



Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

9.1.2 Kiểm tra độ phân giải và tần số

Đối với chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo phần "10.3Bảng chế độ tín hiệu chuẩn"), thông báo **Not Optimum Mode** sẽ xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn.

9.1.3 Kiểm tra những mục sau đây.

Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)	
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách giữa sản phẩm và máy tính và các đầu nối được khóa chặt. (Tham khảo phần "2.3Kết nối và sử dụng PC")

Vấn đề về màn hình	
Đèn LED bị tắt. Màn hình không bật.	Kiểm tra rằng cáp nguồn được kết nối đúng cách. (Tham khảo phần "2.3Kết nối và sử dụng PC")

Hướng dẫn xử lý sự cố

Vấn đề về màn hình	
Thông báo "Check Signal Cable" xuất hiện.	Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách vào sản phẩm. (Tham khảo phần "2.3Kết nối và sử dụng PC")
	Kiểm tra xem thiết bị kết nối với với sản phẩm có bật không.
"Not Optimum Mode" được hiển thị.	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu tín hiệu từ card đồ họa vượt quá độ phân giải hoặc tần số tối đa cho sản phẩm.
	Thay đổi độ phân giải và tần số tối đa để phù hợp với hoạt động của sản phẩm, tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang93).
Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.	Kiểm tra kết nối cáp vào sản phẩm (Tham khảo phần "2.3Kết nối và sử dụng PC")
Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.	Điều chỉnh **Coarse** (trang45) và **Fine** (trang46).
	Gỡ bỏ bất kỳ thiết bị (cáp video nối dài v.v) và thử lại
	Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo. (Tham khảo phần "10.1Thông số chung")
Màn hình không ổn định và rung.	Kiểm tra độ phân giải và tần số của máy tính đã nằm trong khoảng độ phân giải và tần số tương thích với sản phẩm hay chưa. Sau đó, nếu cần thiết, thay đổi các thiết đặt, tham khảo Bảng Chế độ Tín hiệu Chuẩn (trang93) trong hướng dẫn này và trình đơn **INFORMATION** trên sản phẩm.
Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.	
Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.	Điều chỉnh **Brightness** (trang36) và **Contrast** (trang37).
Màu màn hình không đồng nhất.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần "Đặt cấu hình tông màu")
Màu sắc trên màn hình có bóng và bị biến dạng.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần "Đặt cấu hình tông màu")
Màu trắng trông không hẳn là trắng.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần "Đặt cấu hình tông màu")
Không có hình ảnh trên màn hình và đèn LED nhấp nháy trong mỗi 0.5 tới 1 giây.	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng.
	Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.

Vấn đề về âm thanh	
Không có âm thanh.	Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng.
	Kiểm tra âm lượng.
Âm lượng quá nhỏ.	Điều chỉnh âm lượng.
	Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

Vấn đề với thiết bị nguồn	
Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.	Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.

9.2 Hỏi & Đáp

Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để thay đổi tần số?	Đặt tần số trên card màn hình. • Windows XP: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows ME/2000: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows Vista: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình**, và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** bên dưới**Thiết đặt màn hình**. • Windows 7 : Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows 8 : Chọn **Cài đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**.

Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?	• Windows XP: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows ME/2000: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows Vista: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows 7 : Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows 8 : Hãy đi đến **Cài đặt**→ **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải.
Làm thế nào để cài đặt tính năng tiết kiệm năng lượng?	• Windows XP: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows ME/2000: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows Vista: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows 7 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows 8 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Cài đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.



Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

10 Các thông số kỹ thuật

10.1 Thông số chung

Tên môđen		S19C450BW	S19C450MW	S19C450BR
Màn hình	Kích thước	19,0 Inch (48 cm)	19,0 Inch (48 cm)	19,0 Inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (H) x 255,15 mm (V)	408,24 mm (H) x 255,15 mm (V)	376,32 mm (H) x 301,06 mm (V)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (H) x 0,2835 mm (V)	0,2835 mm (H) x 0,2835 mm (V)	0,294 mm (H) x 0,294 mm (V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz		
	Tần số quét dọc	56 ~ 75 Hz		
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440x900@60Hz		1280x1024@60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1440x900@75Hz		1280x1024@75 Hz
Xung Pixel cực đại		136 MHz (Analog, Digital)		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	439,4 x 289,9 x 54,8 mm	439,4 x 289,9 x 54,8 mm	407 x 336 x 55 mm
	Có chân đế	ít nhất là:439,4 x 323,2 x 210 mm / 4,25 kg Tối đa:439,4 x 423,2 x 210mm / 4,25 kg	ít nhất là:439,4 x 323,2 x 210 mm / 4,25 kg Tối đa:439,4 x 423,2 x 210mm / 4,25 kg	ít nhất là:407 x 369 x 210 mm / 4,45 kg Tối đa:407 x 469 x 210 mm / 4,45 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-4˚F – 113˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ		

Tên môđen	S19C450BW	S19C450MW	S19C450BR
Cắm và Chạy	Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		

10 Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		S19C450MR	S20C450B	S22C450B
Màn hình	Kích thước	19 Inch (48cm)	20,0 Inch (50 cm)	21,5 Inch (54 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (H) x 301,06 mm (V)	442,8 mm (H) x 249,08 mm (V)	476,64 mm (H) x 268,11 mm (V)
	Mật độ pixel	0,294 mm (H) x 0,294 mm (V)	0,27675 mm (H) x 0,27675 mm (V)	0,24825 mm (H) x 0,24825 mm (V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz		
	Tần số quét dọc	56 ~ 75 Hz		
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280x1024@60Hz	1600x900@60Hz	1920x1080@60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280x1024@75Hz	1600x900@60Hz	1920x1080@60Hz
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)	136 MHz (Analog, Digital)	148 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	407 x 336 x 55 mm	473,8 x 284 x 54,4 mm	504,3 x 301,9 x 55,45 mm
	Có chân đế	ít nhất là:407 x 369 x 210 mm / 4,45 kg Tối đa:407 x 469 x 210 mm / 4,45 kg	ít nhất là:473,8 x 317,1 x 210 mm / 3,8kg Tối đa:473,8 x 417,1 x 210 mm / 3,8 kg	ít nhất là:504,3 x 325,35 x 210 mm / 4,5 kg Tối đa:504,3 x 425,35 x 210 mm / 4,5 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-4˚F – 113˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ		

Tên môđen	S19C450MR	S20C450B	S22C450B
Cắm và Chạy	Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		

10 Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		S22C450M	S22C450BW	S22C450MW
Màn hình	Kích thước	21,5 Inch (54 cm)	22,0 Inch (55 cm)	22,0 Inch (55 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (H) x 268,11 mm (V)	473,76 mm (H) x 296,1 mm (V)	473,76 mm (H) x 296,1 mm (V)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (H) x 0,24825 mm (V)	0,282 mm (H) x 0,282 mm (V)	0,282 mm (H) x 0,282 mm (V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz		
	Tần số quét dọc	56 ~ 75 Hz		
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080@60Hz	1680x1050@60Hz	
	Độ phân giải tối đa	1920x1080@60Hz	1680x1050@60Hz	
Xung Pixel cực đại		148 MHz (Analog, Digital)	146 MHz (Analog, Digital)	
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	504,3 x 301,9 x 55,45 mm	502,4 x 329,8 x 55,5 mm	502,4 x 329,8 x 55,5 mm
	Có chân đế	ít nhất là:504,3 x 325,35 x 210 mm / 4,5 kg Tối đa:504,3 x 425,35 x 210 mm / 4,5 kg	ít nhất là:502,4 x 353,5 x 210 mm / 5,0 kg Tối đa:502,4 x 453,5 x 210 mm / 5,0 kg	ít nhất là:502,4 x 353,5 x 210 mm / 5,0 kg Tối đa:502,4 x 453,5 x 210 mm / 5,0 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-20.00˚F – 45.00˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ		

Tên môđen	S22C450M	S22C450BW	S22C450MW
Cắm và Chạy	Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		

10 Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		S23C450B	S23C450M	S24C450BL
Màn hình	Kích thước	23 Inch (58cm)	23 Inch (58cm)	23,6 Inch (59 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (H) x 286,74 mm (V)	509,76 mm (H) x 286,74 mm (V)	521,28 mm (H) x 293,22 mm (V)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (H) x 0,2655 mm (V)	0,2655 mm (H) x 0,2655 mm (V)	0,2715 mm (H) x 0,2715 mm (V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz		
	Tần số quét dọc	56 ~ 75 Hz		
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080@60Hz		
	Độ phân giải tối đa	1920x1080@60Hz		
Xung Pixel cực đại		148 MHz (Analog, Digital)		
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	542,9 x 321,4 x 55,4 mm	542,9 x 321,4 x 55,4 mm	554,6 x 330,5 x 55,45 mm
	Có chân đế	ít nhất là:542,9 x 344,65 x 224,0 mm / 4,6 kg Tối đa:542,9 x 474,65 x 224,0 mm / 4,6 kg	ít nhất là:542,9 x 344,65 x 224,0 mm / 4,55 kg Tối đa:542,9 x 474,65 x 224,0 mm / 4,55 kg	ít nhất là:554,6 x 352,35 x 224,0 mm / 5,4 kg Tối đa:554,6 x 482,35 x 224,0 mm / 5,4 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-4˚F – 113˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ		

Tên môđen	S23C450B	S23C450M	S24C450BL
Cắm và Chạy	Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		

Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		S24C450B	S24C450M	S24C450BW
Màn hình	Kích thước	24 Inch (61 cm)	24 Inch (61 cm)	24 Inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (H) x 298,89 mm (V)	531,36 mm (H) x 298,89 mm (V)	518,4 mm (H) x 324,0 mm (V)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (H) x 0,27675 mm (V)	0,27675 mm (H) x 0,27675 mm (V)	0,270 mm (H) x 0,270 mm (V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz		30 ~ 81 kHz
	Tần số quét dọc	56 ~ 75 Hz		56 ~ 63 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080@60Hz		1920x1200@60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080@60Hz		1920x1200@60Hz
Xung Pixel cực đại		148 MHz (Analog, Digital)		154 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	565,4 x 333,2 x 56,7 mm	565,4 x 333,2 x 56,7 mm	554,8 x 359,35 x 54,2 mm
	Có chân đế	ít nhất là:565,4 x 356,75 x 224,0 mm / 5,2 kg Tối đa:565,4 x 486,75 x 224,0 mm / 5,2 kg	ít nhất là:565,4 x 356,75 x 224,0 mm / 5,2 kg Tối đa:565,4 x 486,75 x 224,0 mm / 5,2 kg	ít nhất là:554,8 x 382,25 x 224,0 mm / 5,1 kg Tối đa:554,8 x 512,25 x 224,0 mm / 5,1 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-4˚F – 113˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ		

Các thông số kỹ thuật

Tên môđen	S24C450B	S24C450M	S24C450BW
Cắm và Chạy	Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		

10 Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		S24C450MW	S27C450B
Màn hình	Kích thước	24 Inch (61 cm)	27,0 Inch (68 cm)
	Vùng hiển thị	518,4 mm(H) x 324,0 mm (V)	597,6 mm (H) x 336,15 mm(V)
	Mật độ pixel	0,270 mm(H) x 0,270 mm (V)	0,31125 mm (H) x 0,31125 mm(V)
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	30 ~ 81 kHz	30 ~ 81 kHz
	Tần số quét dọc	56 ~ 63 Hz	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu	
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1200@60Hz	1920x1080@60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1200@60Hz	1920x1080@60Hz
Xung Pixel cực đại		154 MHz (Analog, Digital)	148 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.	
Đầu kết nối tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời	
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	Không có chân đế	554,8 x 359,35 x 54,2 mm	639 x 378,1 x 56,7 mm
	Có chân đế	ít nhất là:554,8 x 382,25 x 224,0 mm / 5,1 kg Tối đa:554,8 x 512,25 x 224,0 mm / 5,1 kg	ít nhất là:639 x 397,8 x 224,0 mm / 6,2 kg Tối đa:639 x 527,8 x 224,0 mm / 6,2 kg
Bản gắn tường VESA		100 mm x 100 mm (được sử dụng với Giá treo chuyên dụng (Tay đỡ).)	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C – 40˚C (50˚F – 104˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C – 45˚C (-4˚F – 113˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ	
Cắm và Chạy		Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.	
Panel Dot (Điểm ảnh)		Do đặc tính của quá trình sản xuất sản phẩm này, có gần 1 điểm ảnh trên một triệu (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên bảng điều khiển LCD. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.	

10 Các thông số kỹ thuật

Các thông số kỹ thuật trên đây có thể thay đổi nhằm cải tiến chất lượng mà không thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

10.2 Trình tiết kiệm năng lượng

Tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này làm giảm sức tiêu thụ điện năng bằng cách tắt màn hình và đổi màu của đèn LED nếu không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Sản phẩm không được tắt trong chế độ tiết kiệm năng lượng. Để bật lại màn hình, hãy nhấn bất kì phím nào trên bàn phím hoặc di chuyển chuột. Tính năng tiết kiệm năng lượng chỉ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với PC với tính năng tiết kiệm năng lượng.

Trình tiết kiệm năng lượng	Chế độ vận hành bình thường	Lượng tiêu thụ điện năng theo Energy Star	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt nguồn (nút Power)
Chỉ báo nguồn	Mở	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Lượng tiêu thụ điện năng (S19C450BW)	Dưới 19 watt	15 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S19C450MW)	Dưới 19 watt	15 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S19C450BR)	Dưới 19 watt	16 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S19C450MR)	Dưới 19 watt	16 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S20C450B)	Dưới 19 watt	16 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S22C450B)	Dưới 24 watt	21 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S22C450M)	Dưới 24 watt	21 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S22C450BW)	Dưới 24 watt	19 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S22C450MW)	Dưới 24 watt	19 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt

Trình tiết kiệm năng lượng	Chế độ vận hành bình thường	Lượng tiêu thụ điện năng theo Energy Star	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt nguồn (nút Power)
Lượng tiêu thụ điện năng (S23C450B)	Dưới 25 watt	22 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S23C450M)	Dưới 25 watt	22 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S24C450BL)	Dưới 30 watt	22 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S24C450B)	Dưới 30 watt	23 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S24C450M)	Dưới 30 watt	23 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S24C450BW)	Dưới 30 watt	25 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S24C450MW)	Dưới 30 watt	25 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt
Lượng tiêu thụ điện năng (S27C450B)	Dưới 36 watt	29 W	Dưới 0,1watt	Dưới 0,1watt



- Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.(Chế độ tiết kiệm năng lượng của mẫu S**C450** / Tắt (Nútnguồn) : Dưới 0,1 W (Điều kiện đầu vào analog), Tối đa 0,25 W)
- ENERGY STAR® là nhãn hiệu đã được đăng ký tại Hoa Kỳ của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ.

  Điện năng theo Energy Star được đo bằng phương pháp kiểm tra trong Tiêu chuẩn hiện có của Energy Star®.
- Để giảm mức tiêu thụ điện về 0 watt, hãy tắt công tắc nguồn ở phía sau sản phẩm hoặc rút cáp nguồn. Đảm bảo rút cáp nguồn khi bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài. Để giảm sự tiêu thụ điện tới 0 wat khi công tắc nguồn không khả dụng, hãy ngắt kết nối cáp nguồn.

10.3 Bảng chế độ tín hiệu chuẩn



- Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Do đó, độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh việc này, chúng tôi khuyên bạn bên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho kích thước màn hình của sản phẩm của bạn.
- Kiểm tra tần số khi bạn đổi màn hình CDT (kết nối với PC) lấy màn hình LCD. Nếu màn hình LCd không hỗ trợ 85 Hz, hãy đổi tần số dọc tới 60 Hz sử dụng màn hình CDT trước khi bạn đổi sản phẩm để lấy màn hình LCD.

Nếu tín hiệu thuộc các chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ máy tính của bạn, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn, màn hình có thể bị trống có đèn LED được bật. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19C450BW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

S19C450MW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC,1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

S19C450BR

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Các thông số kỹ thuật

S19C450MR

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

S20C450B

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

S22C450B

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

10 Các thông số kỹ thuật

S22C450M

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

S22C450BW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

S22C450MW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

S23C450B

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

S23C450M

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

S24C450BL

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Các thông số kỹ thuật

S24C450B

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

S24C450M

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

10 Các thông số kỹ thuật

S24C450BW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,038	59,950	154,000	+/-

S24C450MW

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,038	59,950	154,000	+/-

S27C450B

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+



- Tần số quét ngang

  Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

- Tần số quét dọc

  Lặp lại cùng một hình ảnh hàng chục lần mỗi giây cho phép bạn xem các hình ảnh tự nhiên. Tần số lặp lại được gọi là "tần số dọc" hoặc "tốc độ làm mới" và được biểu thị bằng Hz.

Liên hệ SAMSUNG WORLD WIDE



Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ca (English) http://www.samsung.com/ca_fr (French)
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
ARGENTINE	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BOLIVIA	800-10-7260	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864) From mobile 02-24 82 82 00	http://www.samsung.com/cl
COLOMBIA	01-8000 112 112 Bogotá: 6001272	http://www.samsung.com/co
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)

LATIN AMERICA		
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
HONDURAS	800-27919267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
PARAGUAY	98005420001	http://www.samsung.com
PERU	0-800-777-08 (Only from landline) 336-8686 (From HHP & landline)	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
URUGUAY	40543733	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com

EUROPE		
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864,€ 0.07/min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
BOSNIA	051 133 1999	http://www.samsung.com
BULGARIA	07001 33 11 , normal tariff	http://www.samsung.com
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 786)	http://www.samsung.com

EUROPE		
CYPRUS	8009 4000 only from landline(+30) 210 6897691 from mobile and land line	http://www.samsung.com
CZECH	800-SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o., Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8 till 8.2.2013 . From 8.2.2013: Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o. V Parku 2343/24, 148 00 - Praha 4	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com/ee
FINLAND	030-6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com/fr
GERMANY	0180 5 SAMSUNG bzw.0180 5 7267864* (*0,14 €/Min. aus dem dt. Festnetz, aus dem Mobilfunk max. 0,42 €/Min.)	http://www.samsung.com
GREECE	80111-SAMSUNG (80111 726 7864) only from land line(+30) 210 6897691 from mobile and land line	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com/lv
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com/lt
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
MONTENEGRO	020 405 888	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815 56480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801-1SAMSUNG(172-678) * lub +48 22 607-93-33 ** * (całkowity koszt połączenia jak za 1 impuls według taryfy operatora) ** (koszt połączenia według taryfy operatora)	http://www.samsung.com/pl
PORTUGAL	808 20-SAMSUNG (808 20 7267)	http://www.samsung.com

EUROPE		
ROMANIA	08008 SAMSUNG (08008 726 7864) TOLL FREE No.	http://www.samsung.com
SERBIA	+381 11 321 6899 (old number still active 0700 7267864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG (0800-726 786)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848-SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min)	http://www.samsung.com/ch (German) http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com

CIS		
ARMENIA	0-800-05-555	http://www.samsung.com
AZERBAIJAN	088-55-55-555	http://www.samsung.com
BELARUS	810-800-500-55-500	http://www.samsung.com
GEORGIA	0-800-555-555	http://www.samsung.com
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	0-800-614-40	http://www.samsung.com
MONGOLIA	+7-800-555-55-55	http://www.samsung.com
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http://www.samsung.com/ua (Ukrainian) http://www.samsung.com/ua_ru (Russian)
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com

ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk (Chinese) http://www.samsung.com/hk_en (English)
INDIA	1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com/in
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com/id
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com/my
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG (726-7864) for PLDT 1-800-3-SAMSUNG (726-7864) for Digitel 1-800-8-SAMSUNG (726-7864) for Globe 02-5805777	http://www.samsung.com/ph
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999 0266-026-066	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com/th
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MENA		
BAHRAIN	8000-4726	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
EGYPT	08000-726786	http://www.samsung.com
IRAN	021-8255	http://www.samsung.com
JORDAN	800-22273 065777444	http://www.samsung.com/Levant (English)

MENA		
KUWAIT	183-2255 (183-CALL)	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
MOROCCO	080 100 2255	http://www.samsung.com
OMAN	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
QATAR	800-2255 (800-CALL)	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
SAUDI ARABIA	9200-21230	http://www.samsung.com/sa (Arabic)
SYRIA	18252273	http://www.samsung.com/Levant (English)
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

AFRICA		
ANGOLA	91-726-7864	http://www.samsung.com
BOTSWANA	0800-726-000	http://www.samsung.com
CAMEROON	7095- 0077	http://www.samsung.com
Cote D' Ivoire	8000 0077	http://www.samsung.com
GHANA	0800-10077 0302-200077	http://www.samsung.com
KENYA	0800 545 545	http://www.samsung.com
NAMIBIA	8197267864	http://www.samsung.com
NIGERIA	0800-726-7864	http://www.samsung.com
SENEGAL	800-00-0077	http://www.samsung.com
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TANZANIA	0685 88 99 00	http://www.samsung.com
UGANDA	0800 300 300	http://www.samsung.com
ZAMBIA	211350370	http://www.samsung.com

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)



Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng TV hoặc chỉ điều chỉnh các tuỳ chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...) .
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màng rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)



Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Thuật ngữ

OSD (Hiển thị trên màn hình)

Hiển thị trên màn hình (OSD) cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt trên màn hình để tối ưu hóa chất lượng hình ảnh như yêu cầu. Phần này cho phép bạn thay đổi độ sáng, tông màu, kích thước màn hình và nhiều cài đặt khác bằng các menu được hiển thị trên màn hình.

Gamma

Menu Gamma điều chỉnh thang màu xám biểu thị tông màu trung gian trên màn hình. Điều chỉnh độ sáng sẽ làm sáng toàn bộ màn hình nhưng điều chỉnh Gamma chỉ làm sáng khu vực trung gian.

Thang màu xám

Thang này đề cập đến các mức mật độ màu sắc, thể hiện các biến thể thay đổi màu sắc từ khu vực tối hơn sang khu vực sáng hơn trên màn hình. Các thay đổi đối với độ sáng của màn hình được thể hiện bằng biến thể màu đen và màu trắng, và thang màu xám đề cập đến khu vực trung gian giữa màu đen và màu trắng. Thay đổi thang màu xám thông qua điều chỉnh Gamma sẽ thay đổi độ sáng trung gian trên màn hình.

Tốc độ quét

Tốc độ quét, hay tốc độ làm mới, đề cập đến tần số làm mới của màn hình. Dữ liệu màn hình được truyền khi được làm mới để hiển thị hình ảnh, mặc dù mắt thường không thể nhìn thấy việc làm mới. Số lần làm mới màn hình được gọi là tốc độ quét và được tính bằng Hz. Tốc độ làm mới bằng 60Hz nghĩa là màn hình được làm mới 60 lần mỗi giây. Tốc độ quét của màn hình phụ thuộc vào hiệu suất của card đồ họa trên máy tính và màn hình của bạn.

Tần số quét ngang

Nhân vật hoặc hình ảnh hiển thị trên màn hình bao gồm rất nhiều chấm (điểm ảnh). Điểm ảnh được truyền theo dòng ngang, sau đó được sắp xếp theo chiều dọc để tạo thành hình ảnh. Tần số ngang được tính bằng kHz và biểu thị số lần các dòng ngang được truyền và hiển thị mỗi giây trên màn hình. Tần số ngang bằng 85 nghĩa là số dòng ngang tạo thành một hình ảnh được truyền 85 000 lần mỗi giây và tần số ngang được biểu thị bằng 85kHz.

Tần số quét dọc

Một hình ảnh được tạo thành từ rất nhiều các dòng ngang. Tần số dọc được tính bằng Hz và biểu thị số lượng hình ảnh có thể tạo được mỗi giây bởi các dòng ngang đó. Tần số dọc bằng 60 nghĩa là một hình ảnh được truyền 60 lần mỗi giây. Tần số dọc cũng được gọi là "tốc độ làm mới" và ảnh hưởng đến độ nhấp nháy màn hình.

Độ phân giải

Độ phân giải là số lượng điểm ảnh ngang và điểm ảnh dọc tạo thành màn hình. Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị.

Độ phân giải cao hơn hiển thị nhiều thông tin hơn trên màn hình và phù hợp để thực hiện nhiều tác vụ cùng một lúc.

Ví dụ: Độ phân giải 1920 x 1080 bao gồm 1.920 điểm ảnh ngang (tần số ngang) và 1.080 dòng dọc (độ phân giải dọc).

Cắm và Chạy

Tính năng Plug & Play cho phép tự động trao đổi thông tin giữa màn hình và máy tính để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu.

Màn hình sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm và Chạy.

Chỉ mục

Chỉ mục